II. LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 3: Thẩm định báo cáo ĐTM** - Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra Tờ trình trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. - Khi có Quyết định thành lập Hội đồng, Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ cho các thành viên trong hội đồng, thông báo cho chủ đầu tư thời gian thẩm định và mời đại diện các cơ quan và địa phương liên quan đến dự án. - Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức các cuộc họp đánh giá theo chuyên đề. - Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định. Nội dung của văn bản thông báo phải chỉ rõ một (01) trong các tình trạng sau đây về kết quả thẩm định: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. **Bước 4: Trả kết quả thẩm định:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa. - Hoàn thiện báo cáo ĐTM theo các nội dung yêu cầu của Hội đồng và gửi hồ sơ tại Bộ phận một cửa. - Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 5: Phê duyệt báo cáo ĐTM** + Chi cục bảo vệ môi trường tổ chức rà soát nội dung báo cáo ĐTM của chủ dự án gửi lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung và báo cáo lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do. **Bước 6: Trả kết quả phê duyệt:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả phê duyệt trực tiếp tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Thành phần,	**I. Hồ sơ thẩm định (Điều 6, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).**

số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. - Bảy (07) bản báo cáo ĐTM của dự án. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo ĐTM. Hình thức trang bìa, trang phụ bìa và yêu cầu về cấu trúc và nội dung của báo cáo ĐTM thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục 2.2 và 2.3 của Thông tư 27/2015/TT-BTNMT. - Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoạc tài liệu tương đơn khác. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ **II. Hồ sơ phê duyệt (khoản 1, Điều 9, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).** a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) văn bản giải nội dung chỉnh sửa, bổ sung. - Bốn (04) bản báo cáo ĐTM đã chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án ký vào tất cả các trang ở phía dưới bên trái. - Một (01) đĩa CD trên đó chứa 1 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và 1 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".pdf" chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (kể cả phụ lục). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn tiếp nhận và trả lời tính đầy đủ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc (**khoản 2, Điều 8, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).** - Thời hạn thẩm định: Ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ **(khoản 2, điều 14, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP)** - Thời hạn phê duyệt: Hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ **(điểm a, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).** Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do trong thời hạn mười (10) ngày làm việc **(điểm b, khoản 2, Điều 9, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).** Thời hạn thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quá trình thẩm định: Thông báo kết quả thẩm định của dự án - Quá trình phê duyệt: Báo cáo kèm Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Phí, lệ phí	Tùy theo tổng mức đầu tư của dự án

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo ĐTM theo Phụ lục 2.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. - Mẫu số 2: Hình thức trang bìa, trang phụ bìa báo cáo ĐTM theo Phụ lục 2.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. - Mẫu số 3: Mẫu báo cáo ĐTM theo Phụ lục 2.3 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1) -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: ... V/v thẩm định báo cáo ĐTM của dự án (2)	*(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện dự án: ...;
- Địa chỉ liên hệ: …;
- Điện thoại: Fax:...; E-mail: ...

Chúng tôi gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Nơi nhận: - Như trên; - …; - Lưu: ...	(4) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (1) chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Mẫu số 2

MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)
(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (*)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)	(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(**), tháng ... năm ...

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan chủ dự án;
(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;
(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;
(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

Mẫu số 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

Lưu ý:

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.
- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.
2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.
- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.

4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:
- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- *Lưu ý: Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.*

Chương 1
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới...) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:
- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới...);
- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử..);
- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.
- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

Lưu ý:
- *Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;*

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)

1.4.1. Mô tả mục tiêu của dự án

1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;
- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, điểm di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

1.4.8. Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

Yêu cầu:

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	*Các hoạt động*	*Tiến độ thực hiện*	*Công nghệ/cách thức thực hiện*	*Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh*
1	*2*	*3*	*4*	*5*
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nângcấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

Chương 2
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v... đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..
- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.
- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.
- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.
- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.

2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án;
- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải sản khác (nếu có).

Yêu cầu đối với mục 2.1:

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát;

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Nếu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

2.2.2. Điều kiện về xã hội

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trìnhvăn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.
- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

Yêu cầu đối với mục 2.2:

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Chương 3
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Nguyên tắc chung: *Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).*

3.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án;
- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm);
- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);
- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;
- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:
- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn);
- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:

- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.

5.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));
- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v...) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.

Chương 4
BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩnbị

4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.3. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Yêu cầu:

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành;

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

Chương 5
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3,4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Tráchnhiệmgiám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.
- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:
+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m^3/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).
+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.
- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.
- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.
Yêu cầu:
- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;
- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);
- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;
- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Chương 6
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin vềcác thành phần tham gia cuộc họp.

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

3. Cam kết

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phân thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật...) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

2.Thủ tục	**Thẩm định, phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Đề án BVMT chi tiết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 3: Thẩm định Đề án BVMT chi tiết** - Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra Tờ trình trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. - Khi có Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ cho các thành viên trong hội đồng, thông báo cho chủ đầu tư thời gian thẩm định và mời đại diện các cơ quan và địa phương liên quan đến dự án. - Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định. Nội dung của văn bản thông báo phải chỉ rõ một (01) trong các tình trạng sau đây về kết quả thẩm định: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. **Bước 4: Trả kết quả thẩm định:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa. - Hoàn thiện Đề án BVMT chi tiết theo các nội dung yêu cầu và gửi hồ sơ tại Bộ phận một cửa. - Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 5: Phê duyệt Đề án BVMT chi tiết** + Chi cục bảo vệ môi trường tổ chức rà soát nội dung Đề án chi tiết của chủ dự án gửi lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung và báo cáo lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt. **Bước 6: Trả kết quả phê duyệt:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả phê duyệt trực tiếp tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	**I. Hồ sơ thẩm định (Điều 4, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).** a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) văn bản đề nghị thẩm định đề án BVMT chi tiết thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT. - Bảy (07) bản Đề án BVMT chi tiết theo mẫu quy định tại các

	Phụ lục 3 của Thông tư 26/2015/TT-BTNMT. - Một (01) đĩa CD ghi nội dung của đề án chi tiết. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ **II. Hồ sơ phê duyệt (khoản 2, Điều 7, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).** a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) văn bản giải nội dung chỉnh sửa, bổ sung. - Bốn (04) bản đề án chi tiết đã chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án ký vào tất cả các trang ở phía dưới bên trái. - Một (01) đĩa CD ghi đề án đã chỉnh sửa, bổ sung; văn bản giải trình về chỉnh sửa, bổ sung. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn tiếp nhận và trả lời tính đầy đủ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc (**khoản 1, Điều 7, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).** - Thời hạn thẩm định, phê duyệt: Hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ **(điểm b, khoản 3, Điều 7, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).** - Thời hạn thẩm định, phê duyệt đề án BVMT chi tiết không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn chỉnh hồ sơ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quá trình thẩm định: Thông báo kết quả thẩm định đề an - Quá trình phê duyệt: Đề án kèm Quyết định phê duyệt đề án BVMT chi tiết.
- Phí, lệ phí	Có. Tùy theo tổng mức đầu tư .
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Văn bản đề nghị thẩm định Đề án BVMT chi tiết theo Phụ lục 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT **- Mẫu số 2: Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của đề án bảo vệ môi trường chi tiếttheo mẫu quy định tại các Phụ lục 3 của Thông tư 26/2015/TT-BTNMT.**
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi

	tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1:

Phụ lục 2.

Mẫu văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

…(1)…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../…..	
V/v thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của…(2)…	*(Địa danh), ngày… tháng… năm…*

Kính gửi: …(3)…

…(1)… có địa chỉ tại …(4)…, số điện thoại …. , fax ….., email ….

xin gửi đến …(3)… bẩy (07) bản đề án bảo vệ môi trường chi tiết của …(2)…

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị …(3)… sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết này.

Xin trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:	…(5)…
- Như trên;	(ghi chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)
- …(6)…	
- Lưu …	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở

(2) Tên đầy đủ của cơ sở

(3) Tên cơ quan thẩm quyền thẩm định

(4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện

(5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở

(6) Nơi nhận khác (nếu có)

Mẫu số 2:

Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của đề án bảo vệ môi trường chi tiết
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)
(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT
của …(1)…

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ (2) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)	CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (2) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng… năm…

Ghi chú:
(1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở).
(2) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

MỤC LỤC
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH

MỞ ĐẦU

1. Việc hình thành của cơ sở

- Tóm tắt quá trình hình thành cơ sở: Cơ sở được hình thành từ cơ sở đầu tư nào, ai/cấp nào đã thành lập cơ sở này, số và ngày của văn bản hay quyết định đó; cơ sở có hay không có đăng ký đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của văn bản đăng ký đó; có hay không được cấp giấy chứng nhận đầu tư, nếu có thì nêu rõ số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư, các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Cơ sở được hình thành có phù hợp với các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt hay không (quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, các quy hoạch liên quan khác), có phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn hay không.

- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (khu kinh tế, khu/cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu/cụm sản xuất/kinh doanh/dịch vụ tập trung khác) thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

2. Căn cứ để lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết

2.1. Căn cứ pháp lý

Liệt kê đầy đủ các văn bản sau đây (số, ngày ban hành, cơ quan ban hành, nội dung trích yếu của văn bản):

- Văn bản là căn cứ lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kể cả các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường có liên quan.

- Văn bản của ban quản lý khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung chấp thuận cho cơ sở đầu tư vào khu này (trường hợp địa điểm của cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung).

2.2. Các thông tin, tài liệu liên quan

Liệt kê các tài liệu (tên, tác giả, xuất xứ thời gian, nơi xuất bản hoặc nơi lưu giữ) có những thông tin, số liệu được sử dụng cho việc lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

3. Tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết của chủ cơ sở; trường hợp có thuê tư vấn thì nêu rõ tên đơn vị tư vấn kèm theo địa chỉ liên hệ, họ và tên người đứng đầu đơn vị tư vấn và phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

- Danh sách những người trực tiếp tham gia lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, bao gồm người của cơ sở và của đơn vị tư vấn kèm theo chỉ dẫn về học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo của từng người.

CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên cơ sở

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường chi tiết này).

1.2. Chủ cơ sở

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hộp thư điện tử).

1.3. Vị trí địa lý của cơ sở

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính; tọa độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi cơ sở (sông, suối, ao, hồ và các vực nước khác; vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển và các khu bảo tồn thiên nhiên khác; hệ thống giao thông thủy, bộ đi đến cơ sở; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các điểm dân cư, bệnh viện, trường học, nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí; các khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa đã xếp hạng và các đối tượng kinh tế - xã hội khác).

- Mô tả rõ vị trí xả nước thải của cơ sở và mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành (trường hợp có nước thải).

- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

1.4. Nguồn vốn đầu tư của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở;
- Vốn đầu tư của cơ sở qua các giai đoạn;
- Vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

1.5. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

1.5.1. Nhóm các hạng mục về kết cấu hạ tầng, như: đường giao thông, bến cảng, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, các kết cấu hạ tầng khác (nếu có);

1.5.2. Nhóm các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, như: văn phòng làm việc, nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, bãi tập kết nguyên liệu và các hạng mục liên quan khác;

1.5.3. Nhóm các hạng mục về bảo vệ môi trường, như: quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nơi lưu giữ, nơi trung chuyển, nơi xử lý, nơi chôn lấp); xử lý nước thải; xử lý khí thải; chống ồn, rung; chống xói lở, xói mòn, sụt, lún, trượt, lở đất; chống úng, ngập nước; các hạng mục về bảo vệ môi trường khác.

Cần liệt kê tất cả các hạng mục xây dựng kèm theo sơ đồ tổng mặt bằng chỉ dẫn rõ ràng từng hạng mục, trong đó liệt kê các hạng mục đã xây dựng xong; các hạng mục đang và sẽ xây dựng kèm theo mô tả cách thức/công nghệ thi công, kinh phí đầu tư, khối lượng thi công, tiến độ thi công đối với từng hạng mục.

1.6. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở

- Quy mô/công suất thiết kế tổng thể, thiết kế cho từng giai đoạn (nếu có) của cơ sở.

- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; thời điểm dự kiến đóng cửa hoạt động của cơ sở (nếu có).

1.7. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ khối để minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

1.8. Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất/kinh doanh/dịch vụ của cơ sở

1.8.1. Máy móc, thiết bị

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành với chỉ dẫn cụ thể về: tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu phần trăm).

1.8.2. Nguyên liệu, nhiên liệu

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

1.8.3. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác

Nêu cụ thể khối lượng nước, lượng điện và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

1.9. Tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở đến thời điểm lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
- Lý do không thực hiện đúng các thủ tục về môi trường và phải lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết;
- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường (nếu có). Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.
- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ, HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Các nguồn chất thải

2.1.1. Nước thải

2.1.2. Chất thải rắn thông thường

2.1.3. Chất thải nguy hại

2.1.4. Khí thải

Yêu cầu đối với các nội dung từ mục 2.1.1 đến mục 2.1.4:

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số đặc trưng cho cơ sở và theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg,tấn,m^3) của từng thông số đặc trưng và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm. Trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung

Mô tả rõ và đánh giá từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội

- Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường khác;
- Mô tả và đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường;
- Mô tả các vấn đề kinh tế - xã hội do cơ sở tạo ra (nếu có) liên quan đến hoạt động giải phóng mặt bằng (đền bù/bồi thườngtái định cư và các hoạt động khác liên quan đến việc giải phóng mặt bằng);

Các nội dung trong mục 2.1 và 2.2. phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại.

- Giai đoạn vận hành/hoạt động trong tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có).

- Giai đoạn đóng cửa hoạt động (nếu có).

2.3. Hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở

2.3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải và nước mưa

2.3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

2.3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

2.3.4. Các biện pháp chống ồn, rung

2.3.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trong các nội dung trong các mục từ 2.3.1. đến 2.3.6, cần nêu rõ:

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu kể cả các hóa chất (nếu có) đã, đang và sẽ sử dụng cho việc vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

- Quy trình công nghệ, quy trình quản lý vận hành các công trình xử lý chất thải, hiệu quả xử lý và so sánh kết quả với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

- Trường hợp thuê xử lý chất thải, phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng về việc thuê xử lý (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và kinh tế - xã hội khác và so sánh với các quy định hiện hành.

CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, CẢI TẠO, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Chỉ áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường)

3.1. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải và nước mưa

3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom,lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

3.4. Các biện pháp chống ồn, rung

3.5. Các công trình, biện pháp và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Đối với từng công trình cần mô tả:

- Tiến độ thực hiện (nêu rõ tiến tiến độ thực hiện của từng hạng mục khi bắt đầu, hoàn thành).

- Kinh phí dự kiến.

- Trách nhiệm thực hiện.

- Thông số đo đạc, phân tích khi vận hànhcông trình (phải đảm bảo đủ các thông số đặc trưng cho chất thải của cơ sở và đã được quy định tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng).

- Các thiết bị quan trắc môi trường cho từng nguồn thải (nếu có).

CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 2, 3 dưới dạng bảng như sau:

Các hoạt động của cơ sở	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải với tần suất theo quy định; vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.
- Giám sát chất thải rắn: giám sát khối lượng, chủng loại chất thải rắn phát sinh.
- Giám sát các vấn đề môi trường khác (nếu có) như: đa dạng sinh học, hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này.

Yêu cầu:

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà cơ sở phát thải ra môi trường;

- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;

- Kết quả giám sát chất thải phải được đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

- Việc quan trắc liên tục, tự động nước thải và khí thải của cơ sở được thực hiện theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 5. THAM VẤN Ý KIẾN VỀ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT

5.1. Văn bản của chủ cơ sở gửi Uỷ ban nhân dân cấp xã

Ghi rõ số hiệu và ngày văn bản của chủ cơ sở gửi các Uỷ ban nhân dân cấp xãnơi thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở để xin ý kiến tham vấn.

5.2. Ý kiến của Uỷ ban nhân dân cấp xã

- Ghi rõ số hiệu và ngày của văn bản trả lời của từng Uỷ ban nhân dân cấp xã.
- Nêu tóm tắt những ý kiến chính của Uỷ ban nhân dân cấp xã, đặc biệt lưu ý đến những ý kiến không tán thành, những đề xuất, những kiến nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã.
- Trường hợp Uỷ ban nhân dân cấp xã không có văn bản trả lời thì phải nêu rõ bằng chứng về việc chủ cơ sở đã gửi văn bản cho Uỷ ban nhân dân cấp xã (giấy biên nhận trực tiếp của cấp xã hoặc giấy biên nhận của bưu điện nơi gửi hoặc bằng chứng khác).

- Trường hợp phải tổ chức cuộc họp với đại diện cộng đồng dân cư trong xã để trình bày, đối thoại về nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết, cần nêu rõ các ý kiến, kiến nghị của cộng đồng.

5.3. Ý kiến phản hồi của chủ cơ sở

- Nhận xét về tính sát thực, khách quan của các ý kiến của Uỷ ban nhân dân cấp xã đối với cơ sở.

- Tiếp thu, giải trình của chủ cơ sở đối với các ý kiến không tán thành, các đề xuất, các kiến nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã; trường hợp không tiếp thu thì phải nêu rõ lý do và đề xuất hướng xử lý tiếp theo.

Các văn bản tham vấn ý kiến, giấy tờ là bằng chứng của chủ cơ sở; văn bản trả lời của Uỷ ban nhân dân cấp xã, các văn bản liên quan khác (nếu có) phải được sao và đính kèm ở phần phụ lục của đề án, chỉ dẫn rõ các bản sao này đã được đính kèm ở phụ lục cụ thể nào của đề án.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải vàtính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội;

- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cơ quan liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

3. Cam kết

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt đề án;

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các văn bản liên quan

Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở

Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.3. Bản sao các văn bản về tham vấn ý kiến

Phụ lục 1.4. Bản sao các phiếu kết quả phân tích về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.5. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)

Phụ lục 2: Các hình, ảnh minh họa (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)

Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.

3. Thủ tục	**Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 2: Thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở:** 1. Trường hợp Báo cáo ĐTM do UBND tỉnh phê duyệt: - Chi cục BVMT xem xét hồ sơ tham mưu Giám đốc Sở TNMT trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. - Kiểm tra thực tế tại dự án (kết quả kiểm tra được thể hiện dưới hình thức Biên bản kiểm tra). + Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. + Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo bằng văn bản đến chủ dự án. Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, trình UBND tỉnh cấp giấy xác nhận hoặc có văn bản trả lời chủ dự án trong thời hạn năm (05) ngày làm việc. 2. Trường hợp Báo cáo ĐTM do Sở TNMT phê duyệt: - Chi cục BVMT xem xét hồ sơ tham mưu Giám đốc Sở TNMT ra Quyết định thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện các công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. - Kiểm tra thực tế tại dự án (kết quả kiểm tra được thể hiện dưới hình thức Biên bản kiểm tra). + Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và văn bản chấp thuận cho phép điều chỉnh, thay đổi của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. + Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành

	của dự án chưa đáp ứng các yêu cầu, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường có thông báo bằng văn bản đến chủ dự án. Chủ dự án có trách nhiệm khắc phục các vấn đề còn tồn tại đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy xác nhận hoặc có văn bản trả lời chủ dự án trong thời hạn năm (05) ngày làm việc. **Bước 3:Trả kết quả:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận 1 cửa.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường, số 437 Nguyễn Văn Linh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ gồm: - Một (01) văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.1 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Bảy (07) báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.2 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ. c) Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế tại dự án không đáp ứng được yêu cầu, thành phần hồ sơ gồm: - (01) văn bản báo cáo về việc khắc phục các vấn đề còn tồn tại sau khi kiểm tra thực tế đối với công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. - (01) báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.2 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: Không quá mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án trong trường hợp không cần tiến hành lấy mẫu, phân tích các chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng; trường hợp phải lấy mẫu, phân tích chỉ tiêu môi trường để kiểm chứng: không quá ba mươi (30) ngày làm việc (khoản 2, Điều 17, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP).
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	*Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.*

- Phí, lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.1 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Mẫu số 2: Báo cáo kết quả thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3.2 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1:

PHỤ LỤC 3.1

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: … V/v đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)*	*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (2)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của dự án (3) (sau đây gọi tắt là dự án), đã được (4) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số... ngày... tháng... năm...

- Địa điểm thực hiện dự án: ...
- Địa chỉ liên hệ: ...
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Đã thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* gồm có:

1...

2...

…

(Lưu ý: ghi rõ các hạng mục/phân kỳ của dự án đang đề nghị xác nhận hoàn thành công trình xử lý môi trường)

Gửi đến quý (2) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được (4) phê duyệt;
- Bảy (07) bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(trường hợp dự án nằm trên diện tích đất của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, phải gửi thêm số lượng báo cáo bằng số lượng các tỉnh tăng thêm, hoặc số lượng tăng thêm theo yêu cầu của (2) để phục vụ công tác kiểm tra);*

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu được đưa ra trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị quý (2) kiểm tra, xác nhận việc (1) đã hoàn thành công trình, bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án *(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)*./.

	(5) (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
Nơi nhận: - Như trên;	

- …;
- Lưu: …

Ghi chú:

(1) Chủ dự án;

(2) Tên cơ quan có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận;

(3) Tên đầy đủ của dự án;

(4) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

(5) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Mẫu số 2:

PHỤ LỤC 3.2

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH CỦA DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1) **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: …	*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (2)

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH

của Dự án (3)

1. Thông tin chung về dự án:

Tên chủ dự án: ……..……

Địa chỉ văn phòng: ..…….……

Điện thoại: ……. Fax: …….. E-mail: ……

Địa điểm thực hiện dự án: ……..……

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

2. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án*(hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án)* đã hoàn thành

2.1. Công trình xử lý nước thải

2.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải, thoát nước*(cần mô tả rõ các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước; vị trí của các công trình này kèm theo sơ đồ minh họa)*

2.1.2. Công trình xử lý nước thải đã được xây lắp:*(cần mô tả rõ quy trình công nghệ, quy mô công suất, các thông số kỹ thuật của công trình, các thiết bị đã được xây lắp)*

1.2.3. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải*(cần nêu rõ tên và địa chỉ liên hệ của đơn vị thực hiện việc đo đạc, lấy mẫu phân tích về môi trường: thời gian, phương pháp, khối lượng mẫu giả định được tạo lập (nếu có); thời gian tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu; thiết bị, phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu được sử dụng)*

Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải được trình bày theo mẫu bảng sau:

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; Tiêu chuẩn, Quy chuẩn đối chiếu.	Lưu lượng thải *(Đơn vị tính)*	Thông số ô nhiễm đặc trưng (*) của dự án					
		Thông số A *(Đơn vị tính)*		Thông số B *(Đơn vị tính)*		*v.v...*	
		Trước	Sau	Trước	Sau	Trước	Sau

		khi xử lý	khi xử lý	khi xử lý	khi xử lý	khi xử lý	khi xử lý
Lần 1							
…							
…							
TCVN/QCVN …….							

Ghi chú:

(*) Thông số ô nhiễm đặc trưng của dự án là những thông số ô nhiễm do dự án trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra.

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải:*cần liệt kê đầy đủ các công trình; biện pháp xử lý bụi, khí thải đã được xây lắp; nguồn gốc và hiệu quả xử lý của các thiết bị xử lý bụi, khí thải chính đã được lắp đặt; kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải và thống kê dưới dạng bảng tương tự như đối với nước thải (trừ cột trước khi xử lý).*

2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:*mô tả công trình lưu giữ chất thải rắn; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.*

2.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: *mô tả công trình lưu giữ chất thải nguy hại; làm rõ quy mô, các thông số kỹ thuật kèm theo thiết kế chi tiết của các công trình xử lý chất thải rắn trong trường hợp chủ dự án tự xử lý.*

2.5. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và các công trình bảo vệ môi trường khác: *(nếu có)*

3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt*(kết quả trình bày cần thể hiện dưới dạng bảng có thuyết minh kèm theo, trong đó nêu rõ những nội dung đã được điều chỉnh, thay đổi và văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM)*

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Văn bản đồng ý/cho phép của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM
1.	…	…	…	
2...	…	…	…	

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

(4)

Nơi nhận:
- Như trên;
- …;
- Lưu: …

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chủ dự án; (2) Tên cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; (3) Tên đầy đủ, chính xác của dự án hoặc của hạng mục/phân kỳ đầu tư của dự án (3); (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Phụ lục kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, bao gồm các tài liệu sau (tùy loại hình dự án và từng dự án cụ thể mà có thể có một số hoặc tất cả các tài liệu này):

- Các bản vẽ kỹ thuật hoặc hồ sơ thuyết minh công trình bảo vệ môi trường;

- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các thiết bị xử lý môi trường đồng bộ nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;
- Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thay đổi, điều chỉnh báo cáo ĐTM của dự án;
- Biên bản nghiệm thu các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường.

4.**Thủ tục**	**Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường** - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ và tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. **Bước 3: Trả kết quả:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	**Hồ sơ xác nhận (Điều 33, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).** a) Thành phần hồ sơ: - Ba (03) bản kế hoạch BVMT theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.5 của Thông tư 27/2015/TT-BTNMT. - Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn xác nhận đăng ký: Mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ **(Điều 34, Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).**
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
- Phí, lệ phí	không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.4 và 5.5 của Thông tư 27/2015/TT-BTNMT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
- Căn cứ pháp lý của	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy

TTHC	định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi tường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở TNMT.

Mẫu số 1:

PHỤ LỤC 5.4

MẪU TRANG BÌA CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của (2)

Đại diện (*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu (nếu có))	Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) (*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng ... năm 20...

Ghi chú: (1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

(*) Chỉ thể hiện tại trang phụ bìa.

PHỤ LỤC 5.5

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (1)

……..

Chúng tôi gửi đến (1) bản kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ *(gọi chung là dự án)*: nêu đúng tên gọi như được nêu trong báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

1.2. Tên chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án:

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ các điểm khống chế ranh giới theo hệ VN2000) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông,…), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử,...), hiện trạng sử dụng đất trên vị trí thực hiện dự án và các đối tượng xung quanh khác.

Chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

1.7. Quy mô dự án

Mô tả tóm lược về quá trình thi công xây dựng; quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo giờ, ngày, tháng hoặc năm; phương thức cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu.
- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

Yêu cầu:

- Đối với trường hợp mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động cần phải bổ sung thông tin về cơ sở đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điềuchỉnh, bổ sung.

II. Các tác động xấu đến môi trường

2.1. Tác động xấu đến môi trường do chất thải

2.1.1. Khí thải: ...

2.1.2. Nước thải: ...

2.1.3. Chất thải rắn: ...

2.1.4. Chất thải nguy hại: ...
2.1.5. Chất thải khác:... (nếu có)
Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải. Đối với khí thải và nước thải còn phải nêu rõ hàm lượng/nồng độ của từng thành phần ô nhiễm đặc trưng và so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành trong trường hợp chưa áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu.
2.2. Tác động xấu đến môi trường không do chất thải
Nêu tóm tắt các tác động xấu đến môi trường khác (nếu có) do dự án gây ra: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suythoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.
Yêu cầu: các loại tác động xấu đến môi trường phải được thể hiện theo từng giai đoạn, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các giai đoạn sau theo đặc thù của từng dự án cụ thể: (1) chuẩn bị đầu tư, (2) thi công xây dựng, (3) vận hành dự án và (4) hoàn thành dự án.
III. Kế hoạch bảo vệ môi trường
3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải
- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.
- Phải chứng minh sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.
3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác
Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.
3.3. Kế hoạch giám sát môi trường
- Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ dự án giám sát nước thải đối với dự án có đấu nối nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung và không yêu cầu chủ dự án giám sát những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải mà dự án không có khả năng phát sinh hoặc khả năng phát sinh thấp.
- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.
Yêu cầu:
- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại,

đặc tính kỹ thuật, đo lường cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

IV. Cam kết

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi gửi kèm theo đây các văn bản có liên quan đến dự án *(nêu có và liệt kê cụ thể)*.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

(2)
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; (2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án ở trang cuối cùng.

5.Thủ tục	**Xác nhận đăng ký đề án bảo vệ bảo vệ môi trường đơn giản**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường** - Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét hồ sơ và tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. **Bước 3: Trả kết quả:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	**Hồ sơ xác nhận (Điều 11, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).** a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) văn bản đăng ký đề án BVMT đơn giản thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT. - Ba (03) bản Đề án BVMT đơn giản theo mẫu quy định tại các Phụ lục 14a của Thông tư 26/2015/TT-BTNMT. - Một (01) đĩa CD ghi nội dung của đề án chi tiết. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn xác nhận đăng ký: Mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ **(khoản 4, Điều 12, Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT).**
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
- Phí, lệ phí	không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: văn bản đăng ký đề án BVMT đơn giản thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT. - Mẫu số 2: Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo mẫu quy định tại Phụ lục 14a của Thông tư 26/2015/TT-BTNMT.
- Yêu cầu, điều kiện	Không

thực hiện thủ tục hành chính	
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1:

Phụ lục 13.

Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

…(1)…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../…..	
V/v xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của …(2)…	*(Địa danh), ngày… tháng… năm…*

Kính gửi: …(3)…

…(1)… có địa chỉ tại …(4)…, xin gửi đến …(3)… ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của …(2)…

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý (3) sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cám ơn./.

Nơi nhận:	…(5)…
- Như trên;	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
- …(6)…	
- Lưu …	

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.

(2) Tên đầy đủ của cơ sở.

(3) Tên gọi của cơ quan xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường.

(4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện

(5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.

(6) Nơi nhận khác (nếu có).

Mẫu số 2:

Phụ lục 14a. Bìa, phụ bìa, cấu trúc và nội dung của đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với cơ sở đăng ký tại Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ PHÊ DUYỆT CƠ SỞ - nếu có)
(TÊN CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ)

ĐỀ ÁN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
của …(1)…

CƠ QUAN/DOANH NGHIỆP CHỦ CƠ SỞ (2) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)	CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (2) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Địa danh), Tháng… năm…

Ghi chú:
(1) Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở (theo văn bản về đầu tư của cơ sở).
(2) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

MỤC LỤC
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG VÀ HÌNH
MỞ ĐẦU

- Cơ sở được thành lập theo quyết định của ai/cấp nào, số và ngày của văn bản hay quyết định thành lập; số và ngày của văn bản đăng ký đầu tư (nếu có); số và ngày của giấy chứng nhận đầu tư (nếu có); các thông tin liên quan khác (sao và đính kèm các văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Trường hợp địa điểm của cơ sở đặt tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải nêu rõ tên của khu/cụm, số và ngày của văn bản chấp thuận của Ban quản lý khu/cụm đó (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Nêu rõ tình trạng hiện tại của cơ sở (thuộc loại nào theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư này).

CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên của cơ sở

Nêu đầy đủ, chính xác tên gọi hiện hành của cơ sở (thống nhất với tên đã ghi ở trang bìa và trang phụ bìa của đề án bảo vệ môi trường này).

1.2. Chủ cơ sở

Nêu đầy đủ họ, tên và chức danh của chủ cơ sở kèm theo chỉ dẫn về địa chỉ liên hệ, phương tiện liên lạc (điện thoại, fax, hòm thư điện tử).

1.3. Vị trí địa lý của cơ sở

- Mô tả vị trí địa lý của cơ sở: Nêu cụ thể vị trí thuộc địa bàn của đơn vị hành chính từ cấp thôn và/hoặc xã trở lên; trường hợp cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì phải chỉ rõ tên khu/cụm này trước khi nêu địa danh hành chính; tọa độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở kèm theo sơ đồ thể hiện vị trí các điểm khống chế đó.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị ảnh hưởng bởi cơ sở.

- Chỉ dẫn địa điểm đang và sẽ xả nước thải của cơ sở và chỉ dẫn mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận theo quy định hiện hành (trường hợp có nước thải).

- Bản đồ hoặc sơ đồ đính kèm để minh họa vị trí địa lý của cơ sở và các đối tượng xung quanh như đã mô tả.

1.4. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

- Nhóm các hạng mục về kết cấu hạ tầng, như: đường giao thông, bến cảng, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, thoát nước mưa, các kết cấu hạ tầng khác (nếu có);

- Nhóm các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, như: văn phòng làm việc, nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, bãi tập kết nguyên liệu và các hạng mục liên quan khác;

- Nhóm các hạng mục về bảo vệ môi trường, như: quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại (nơi lưu giữ, nơi trung chuyển, nơi xử lý, nơi chôn lấp); xử lý nước thải; xử lý khí thải; chống ồn, rung; chống xói lở, xói mòn, sụt, lún, trượt, lở đất; chống úng, ngập nước; các hạng mục về bảo vệ môi trường khác.

1.5. Quy mô/công suất, thời gian hoạt động của cơ sở

- Quy mô/công suất.

- Thời điểm đã đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động; dự kiến đưa cơ sở vào vận hành/hoạt động (đối với cơ sở quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư này).

1.6. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở

Mô tả tóm tắt công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ minh họa, trong đó có chỉ dẫn cụ thể vị trí của các dòng chất thải và/hoặc vị trí có thể gây ra các vấn đề môi trường không do chất thải (nếu có).

1.7. Máy móc, thiết bị

Liệt kê đầy đủ các loại máy móc, thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành; đang và sẽ lắp đặt (đối với cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này) với chỉ dẫn cụ thể về: Tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng khi đưa vào sử dụng (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu).

1.8. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu

Liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: Tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

Nêu cụ thể khối lượng điện, nước và các vật liệu khác cần sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

1.9. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian đã qua

- Nêu tóm tắt tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động.
- Lý do đã không lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường trước đây.
- Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính và xử phạt khác về môi trường (nếu có).
- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

Yêu cầu: *Trường hợp đã bị xử phạt, phải sao và đính kèm các văn bản xử phạt vào phần phụ lục của bản đề án.*

CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI, CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ, CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Các nguồn phát sinh chất thải

2.1.1. Nước thải

2.1.2. Chất thải rắn thông thường

2.1.3. Chất thải nguy hại

2.1.4. Khí thải

Yêu cầu đối với các nội dung từ mục 2.1.1 đến mục 2.1.4:

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh chất thải kèm theo tính toán cụ thể về: Hàm lượng thải (nồng độ) của từng thông số đặc trưng cho cơ sở và theo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng; tổng lượng/lưu lượng thải (kg, tấn, m^3) của từng thông số đặc trưng và của toàn bộ nguồn trong một ngày đêm (24 giờ), một tháng, một quý và một năm. Trường hợp cơ sở có từ 02 điểm thải khác nhau trở lên ra môi trường thì phải tính tổng lượng/lưu lượng thải cho từng điểm thải.

2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung

Mô tả rõ từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội

- Mô tả các vấn đề môi trường do cơ sở tạo ra (nếu có), như: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học và các vấn đề môi trường khác;

Các nội dung trong mục 2.1 và 2.2. phải thể hiện rõ theo từng giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành/hoạt động hiện tại.

- Giai đoạn vận hành/hoạt động trong tương lai theo kế hoạch đã đặt ra (nếu có).

- Giai đoạn đóng cửa hoạt động (nếu có).

2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở

2.3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thảivà nước mưa

2.3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

2.3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

2.3.4. Các biện pháp chống ồn, rung

2.3.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.3.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trong các nội dung trong các mục từ 2.3.1. đến 2.3.6, cần nêu rõ:

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu kể cả các hóa chất (nếu có) đã, đang và sẽ sử dụng cho việc vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường kèm theo chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có), khối lượng sử dụng tính theo đơn vị thời gian (ngày, tháng, quý, năm).

- Quy trình công nghệ, quy trình quản lý vận hành các công trình xử lý chất thải, hiệu quả xử lý và so sánh kết quả với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành.

- Trường hợp thuê xử lý chất thải, phải nêu rõ tên, địa chỉ của đơn vị nhận xử lý thuê, có hợp đồng về việc thuê xử lý (sao và đính kèm văn bản ở phần phụ lục của đề án).

- Đánh giá hiệu quả của các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và kinh tế - xã hội khác và so sánh với các quy định hiện hành.

2.4. Kế hoạch xây dựng, cải tạo, vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Áp dụng đối với cơ sở chưa hoàn thiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải

- Biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của cơ sở phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải có chứng minh rằng, sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác

Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của cơ sở thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.3. Kế hoạch giám sát môi trường

- Đòi hỏi phải giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm đặc trưng có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho cơ sở, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ cơ sở giám sát nước thải đối với cơ sở có đấu nối nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

Yêu cầu:

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó.

- Đối với đối tượng lập lại đề án bảo vệ môi trường, trong nội dung của phần III Phụ lục này, cần nêu rõ các thay đổi về biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại, đặc tính kỹ thuật, số lượng cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải kết luận rõ:

- Đã nhận dạng, mô tả được các nguồn thải và tính toán được các loại chất thải, nhận dạng và mô tả được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội;

- Tính hiệu quả và khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; giải quyết được các vấn đề về môi trường và kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở trung ương và địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ cơ sở.

3. Cam kết

- Cam kết thực hiện đúng nội dung, tiến độ xây dựng, cải tạo và vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;

- Cam kết thực hiện đúng chế độ báo cáo tại quyết định phê duyệt đề án;

- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các văn bản liên quan

Phụ lục 1.1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến sự hình thành cơ sở

Phụ lục 1.2. Bản sao các văn bản về xử lý vi phạm về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.3. Bản sao các phiếu kết quả phân tích về môi trường, hợp đồng xử lý về môi trường (nếu có)

Phụ lục 1.4. Bản sao các văn bản khác có liên quan (nếu có)

Phụ lục 2: Các hình, ảnh minh họa (trừ các hình, ảnh đã thể hiện trong bản đề án)

Từng văn bản, hình, ảnh trong phụ lục phải được xếp theo thứ tự rõ ràng với mã số cụ thể và đều phải được dẫn chiếu ở phần nội dung tương ứng của bản đề án.

Đề án bảo vệ môi trường đơn giản được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ cơ sở ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở ở trang cuối cùng.

6. Thủ tục	**Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức nộp báo cáo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *Bước 2. Thông báo kết quả*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến chấp thuận thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Cách thức thực hiện	- Không quy định
- Thành phần, số lượng hồ sơ	- *Thành phần hồ sơ*: Báo cáo bằng văn bản - *Số lượng hồ sơ*: không quy định.
- Thời hạn giải quyết	- Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	*Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND cấp tỉnh.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Ý kiến chấp thuận thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không quy định.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường 2014 - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

7. Thủ tục	**Chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** - *Bước 1: Nộp báo cáo:* Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thống nhất với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và gửi báo cáo giải pháp tách đấu nối để tự xử lý nước thải đến UBND cấp tỉnh. - *Bước 2: Xem xét, đánh giá báo cáo:* UBND cấp tỉnh tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo giải pháp tách đấu nối để tự xử lý nước thải. Sau khi tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo, UBND cấp tỉnh xem xét và thông báo kết quả về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- Cách thức thực hiện	- Không quy định
- Thành phần, số lượng hồ sơ	- Một (01) văn bản đề nghị và báo cáo giải pháp tách đấu nối để tự xử lý nước thải của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kèm theo kết quả quan trắc nước thải định kỳ mới nhất); - Một biên bản thỏa thuận tách đấu nối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
- Thời hạn giải quyết	- Không quy định.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND cấp tỉnh. - *Cơ quan được uỷ quyền thực hiện*: Không quy định. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Không quy định.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh hoặc văn bản không chấp thuận tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	*Phụ lục 3:* Báo cáo về giải pháp tách đấu nối để tự xử lý nước thải (ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không quy định.
- Căn cứ pháp lý của	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá

TTHC	tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Phụ lục 3

BÁO CÁO GIẢI PHÁP TÁCH ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin chung:

- Tên chủ cơ sở:……...…….....…….
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: …….....Khu công nghiệp:.....
- Số điện thoại: ….……..… Số Fax:……..…… E-mail: .....
- Loại hình sản xuất kinh doanh:……..……...

2. Phương án tách đấu nối và tự xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh, thành phần, tính chất nước thải.
- Nguyên nhân thực tế của việc tách đấu nối nước thải.
- Mô tả phương án xử lý nước thải:

+ Công suất, công nghệ xử lý nước thải.

+ Vị trí, điểm xả ra nguồn tiếp nhận (có kèm theo sơ đồ).

+ Chương trình quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (xác định cụ thể).

3. Cam kết và kiến nghị

Cam kết thực hiện nghiêm túc phương án xử lý nước thải đã nêu và bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước cho phép cơ sở …… tách đấu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao…… và tự xử lý nước thải phát sinh.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

8. Thủ tục	**Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** - *Bước 1: Nộp báo cáo:* Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao gửi báo cáo về việc điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đến UBND cấp tỉnh. - *Bước 2: Xem xét, đánh giá báo cáo:* UBND cấp tỉnh tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo việc điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Trường hợp cần thiết, tổ chức đoàn kiểm tra thực tế, lấy ý kiến chuyên gia và cơ quan có liên quan để xem xét, quyết định. Sau khi tổ chức xem xét, đánh giá báo cáo, UBND cấp tỉnh xem xét và thông báo kết quả về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Cách thức thực hiện	- Không quy định
- Thành phần, số lượng hồ sơ	Một (01) báo cáo điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thời hạn giải quyết	Hai mươi (20) ngày làm việc
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Cơ quan thực hiện TTHC	- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND cấp tỉnh. - *Cơ quan được uỷ quyền thực hiện*: Không quy định. - *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Không quy định.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao hoặc văn bản không chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	*Phụ lục 4:* Báo cáo về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không quy định.

- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Phụ lục 4

BÁO CÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHI ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, QUY HOẠCH, HOẠT ĐỘNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHỆ CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thông tin chung:

- Tên chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: ……
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Địa chỉ: …….....
- Số điện thoại: ….……..… Số Fax:……..…… E-mail: .....

1. Tóm tắt tình hình hoạt động của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và công tác bảo vệ môi trường

- Tóm tắt tình hình hoạt động của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao: quản lý chất thải rắn; xử lý khí thải của các cơ sở trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; xử lý nước thải; quan trắc môi trường;…

- Những tồn tại, khó khăn (nếu có).

2. Nội dung điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/ hạ tầng kỹ thuật/ danh mục ngành nghề

- Xác định rõ sự cần thiết phải điều chỉnh.

- Các nội dung điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/ hạ tầng kỹ thuật/ danh mục ngành nghề.

3. Các yếu tố tác động và giải pháp bảo vệ môi trường

- Thuyết minh cụ thể vấn đề môi trường phát sinh, dự báo các yếu tố tác động đến môi trường khi điều chỉnh về quy mô/ quy hoạch/hạ tầng kỹ thuật/danh mục ngành nghề.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nội dung điều chỉnh.

4. Kết luận, kiến nghị, cam kết

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

9.Thủ tục	**Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (NKPL) làm nguyên liệu sản xuất.**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ. Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến phòng chức năng tiến hành thẩm định. **Bước 3: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất** (sau đây gọi tắt là Giấy xác nhận). a. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 (hai) ngày làm việc. - Tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp Giấy xác nhận. - Tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét cấp Giấy xác nhận. b. Trường hợp cấp mới và cấp lại sau ngày Giấy xác nhận hết hạn, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Giấy xác nhận trong 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. **Bước 4: Trả kết quả thủ tục hành chính** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường số 437 Nguyễn Văn Linh – TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Một (01) Văn bản đề nghị (Bản chín). - Bẩy (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (Bản chính). - Một (01) trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt báo cáo đáng giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung (nếu có); Giấy chứng nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường; Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy xác nhận đăng ký

	đề án bảo vệ môi trường đơn giản; Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; Văn bản thông báo về việc chấp thuận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường (Bản sao). - Một (01) trong các văn bản sau: Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án; Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc các hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản sao). - Hợp đồng chuyển giao, xử lý tạp chất, chất thải với đơn vị có chức năng phù hợp (Trong trường hợp không có công nghệ, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm, chất thải phát sinh) (Bản sao). - Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ của cơ sở (Bản sao). (Nếu cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu lần đầu tiên và công trình, thiết bị sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu đề nghị nhập khẩu chưa đi vào vận hành tại thời điểm đề nghị cấp Giấy được không phải nộp báo cáo giám sát, phải bổ sung báo cáo kết quả giám sát trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận). - Bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu nhập khẩu (Bản chính). b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết	Trường hợp cấp mới, cấp lại sau ngày Giấy xác nhận hết hạn. Không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ: (02) ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cấp Giấy xác nhận: Ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể: + Sở TNMT tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Thời gian kiểm tra không quá 02 (hai) ngày làm việc. + Thời hạn xem xét, cấp Giấy xác nhận: ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp sổ, Sở TNMT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để chủ nguồn thải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
- Phí, lệ phí	Có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu đơn, mẫu tờ khai được quy định trong Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm: - Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 2a (cấp mới), 2b (cấp lại). - Báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phục lục: 3a,3c (cấp mới), 3a, 3c (cấp lại). - Bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục 4a.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

Phụ lục 2a

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.
5. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS			

			được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	xác nhận (tấn)	
1					
2					
…					

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 2b

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI DO HẾT HẠN GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Giấy xác nhận đã được cấp: Số..... ngày ... tháng .... năm .....
hết hạn ngày ... tháng .... năm .....
5. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận.
6. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
…			

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

7. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 3a

MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)	CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng… năm…

Ghi chú:

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

Phụ lục 3b

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

4. Tên người liên hệ:.....

Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp ....(nếu có).

II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.

2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu; công suất; nhu cầu nguyên liệu đầu vào (trong đó mô tả rõ nguyên liệu không phải là phế liệu và nguyên liệu là phế liệu).

3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:

a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Loại phế liệu nhập khẩu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích thành phần chất thải đi kèm phế liệu.

b) Trường hợp cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài với mục đích để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau:

- Tên phế liệu.
- Loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu: mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu.
- Kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu.
- Những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu.
- Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất.
- Lợi ích kinh tế-xã hội khi sử dụng loại phế liệu dự kiến nhập khẩu.

4. Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015:

a) Mô tả kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho.
- Tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Mô tả bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu bãi.
- Tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu.
- Khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.
- Phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại).
- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất.
- Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Công nghệ, thiết bị được sử dụng để xử lý chất thải (công suất, hiệu quả xử lý...).
- Một số đặc tính kỹ thuật, yêu cầu đặc thù của công nghệ, thiết bị xử lý chất thải (nếu có).
- Khu vực lắp đặt hệ thống, thiết bị xử lý chất thải.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, tái chế chất thải phát sinh (khí thải, nước thải,...).
- Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường (nếu có).

đ) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

III. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

IV. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 3c
BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I/ Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu:

1. Tên Tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên người liên hệ:.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp .....(nếu có).

II/ Thông tin về các tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu (kê khai đối với từng tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu):

1. Tên Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu:.....
4. Tên người liên hệ khi cần :.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu số ....ngày....tháng...năm....., Cơ quan cấp và kèm theo bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức, cá nhân.

III. Mô tả về cơ sở và phế liệu nhập khẩu:

1. Mô tả chức năng hoạt động kinh doanh sản xuất: (loại sản phẩm/hàng hoá sản xuất, kinh doanh,...); thâm niên hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đã từng ký kết hợp đồng nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất khi nào (nếu có ghi rõ thời gian, chủng loại, khối lượng phế liệu nhập khẩu). Tình hình chấp hành pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

2. Mô tả phế liệu: (chủng loại phế liệu nhập khẩu, khối lượng phế liệu dự kiến nhận ủy thác nhập khẩu theo từng hợp đồng nguyên tắc với tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu).

IV. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.

- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

3. Phương án tài chính khi xảy ra vi phạm:

Cam kết về việc tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu.

V. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 4a

BẢN CAM KẾT VỀ TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu để sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

(1)

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm ....

BẢN CAM KẾT
TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU

Kính gửi: ……..……(2)……..

I. Thông tin chung:

1. Tổ chức, cá nhân (1): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:....., Fax:....., Email:….....

3. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu:

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... Cơ quan cấp.... (nếu có).

II. Thông tin về phế liệu dự kiến nhập khẩu:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

III. Nội dung cam kết:

1. Chúng tôi cam kết chỉ nhập khẩu phế liệu khi biết rõ xuất xứ, thành phần và hàm lượng tạp chất đi kèm với phế liệu và đáp ứng các yêu cầu quy định của Việt Nam.

2. Chúng tôi cam kết trong hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận giao dịch với bên xuất khẩu có điều khoản yêu cầu bên xuất khẩu phải nhận lại hàng nếu phế liệu không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường mà hai bên đã thống nhất.

3. Chúng tôi cam kết lưu giữ, vận chuyển và sử dụng phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Chúng tôi cam kết phế liệu nhập khẩu chỉ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình.

5. Nếu để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, chúng tôi cam kết tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp không thể tái xuất được, chúng tôi chịu trách nhiệm xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện đúng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu.
- Lập phương án chi tiết xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm pháp luật trình cơ quan quản lý về môi trường xem xét, quyết định.
- Chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không tái xuất được.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

10. Thủ tục	**Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (NKPL) làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn).**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ. Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến phòng chức năng tiến hành thẩm định. **Bước 3: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất** (sau đây gọi tắt là Giấy xác nhận). a. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 (hai) ngày làm việc. - Tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp Giấy xác nhận. - Tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét cấp Giấy xác nhận. b. Trường hợp cấp lại trước ngày Giấy xác nhận hết hạn, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Giấy xác nhận trong 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. **Bước 4: Trả kết quả thủ tục hành chính** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường số 437 Nguyễn Văn Linh – TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Một (01)văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận (Bản chính). - Ba (01) báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (Bản chính). - Báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ gần nhất của cơ sở, nhưng không quá sáu (06) tháng trước ngày cơ sở đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp lại Giấy xác nhận do hết hạn (Bản sao); b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết	Trường hợp cấp lại trước ngày Giấy xác nhận hết hạn. Không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ: (02) ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cấp Giấy xác nhận: hai mươi (20) ngày làm việc, kể

	từ thời điểm nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể: + Sở TNMT tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Thời gian kiểm tra không quá 02 (hai) ngày làm việc. + Thời hạn xem xét, cấp Giấy xác nhận: hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp sổ, Sở TNMT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để chủ nguồn thải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
- Phí, lệ phí	Có
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu đơn, mẫu tờ khai được quy định trong Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm: - Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 2b (cấp lại). - Báo cáo các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo mẫu quy định tại Phục lục: 3a, 3c (cấp lại). - Bản cam kết về tái xuất hoặc xử lý phế liệu nhập khẩu theo quy định tại Phụ lục 4a.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. Có hiệu lực từ 01/01/2015. - Thông tư về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có hiệu lực từ ngày 27/10/2015. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 62/2017/-BTC ngày 19/06/2017 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. - Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 về sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hánh chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 2a

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.
5. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS			

			được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	xác nhận (tấn)	
1					
2					
…					

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 2b

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI DO HẾT HẠN GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Giấy xác nhận đã được cấp: Số..... ngày ... tháng .... năm .....
hết hạn ngày ... tháng .... năm .....
5. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận.
6. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
…			

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

7. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 3a

MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)	CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng… năm…

Ghi chú:

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

Phụ lục 3b

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

4. Tên người liên hệ:.....

Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp ....(nếu có).

II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.

2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu; công suất; nhu cầu nguyên liệu đầu vào (trong đó mô tả rõ nguyên liệu không phải là phế liệu và nguyên liệu là phế liệu).

3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:

a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Loại phế liệu nhập khẩu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích thành phần chất thải đi kèm phế liệu.

b) Trường hợp cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài với mục đích để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau:

- Tên phế liệu.
- Loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu: mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu.
- Kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu.
- Những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu.
- Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất.
- Lợi ích kinh tế-xã hội khi sử dụng loại phế liệu dự kiến nhập khẩu.

4. Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015:

a) Mô tả kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho.
- Tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Mô tả bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu bãi.
- Tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu.
- Khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.
- Phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại).
- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất.
- Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Công nghệ, thiết bị được sử dụng để xử lý chất thải (công suất, hiệu quả xử lý...).
- Một số đặc tính kỹ thuật, yêu cầu đặc thù của công nghệ, thiết bị xử lý chất thải (nếu có).
- Khu vực lắp đặt hệ thống, thiết bị xử lý chất thải.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, tái chế chất thải phát sinh (khí thải, nước thải,...).
- Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường (nếu có).

đ) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

III. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

IV. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 3c
BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I/ Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu:

1. Tên Tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên người liên hệ:.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp .....(nếu có).

II/ Thông tin về các tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu (kê khai đối với từng tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu):

1. Tên Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu:.....
4. Tên người liên hệ khi cần :.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu số ....ngày....tháng...năm....., Cơ quan cấp và kèm theo bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức, cá nhân.

III. Mô tả về cơ sở và phế liệu nhập khẩu:

1. Mô tả chức năng hoạt động kinh doanh sản xuất: (loại sản phẩm/hàng hoá sản xuất, kinh doanh,...); thâm niên hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đã từng ký kết hợp đồng nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất khi nào (nếu có ghi rõ thời gian, chủng loại, khối lượng phế liệu nhập khẩu). Tình hình chấp hành pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

2. Mô tả phế liệu: (chủng loại phế liệu nhập khẩu, khối lượng phế liệu dự kiến nhận ủy thác nhập khẩu theo từng hợp đồng nguyên tắc với tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu).

IV. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.

- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

3. Phương án tài chính khi xảy ra vi phạm:

Cam kết về việc tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu.

V. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 4a

BẢN CAM KẾT VỀ TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu để sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

(1)

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm ....

BẢN CAM KẾT
TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU

Kính gửi: ……..……(2)……..

I. Thông tin chung:

1. Tổ chức, cá nhân (1): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:....., Fax:....., Email:….....

3. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu:

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... Cơ quan cấp.... (nếu có).

II. Thông tin về phế liệu dự kiến nhập khẩu:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

III. Nội dung cam kết:

1. Chúng tôi cam kết chỉ nhập khẩu phế liệu khi biết rõ xuất xứ, thành phần và hàm lượng tạp chất đi kèm với phế liệu và đáp ứng các yêu cầu quy định của Việt Nam.

2. Chúng tôi cam kết trong hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận giao dịch với bên xuất khẩu có điều khoản yêu cầu bên xuất khẩu phải nhận lại hàng nếu phế liệu không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường mà hai bên đã thống nhất.

3. Chúng tôi cam kết lưu giữ, vận chuyển và sử dụng phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Chúng tôi cam kết phế liệu nhập khẩu chỉ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình.

5. Nếu để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, chúng tôi cam kết tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp không thể tái xuất được, chúng tôi chịu trách nhiệm xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện đúng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu.
- Lập phương án chi tiết xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm pháp luật trình cơ quan quản lý về môi trường xem xét, quyết định.
- Chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không tái xuất được.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

11. Thủ tục	**Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu (NKPL) làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng).**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ. Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến phòng chức năng tiến hành thẩm định. **Bước 3: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong NKPL làm nguyên liệu sản xuất** (sau đây gọi tắt là Giấy xác nhận). a. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 (hai) ngày làm việc. - Tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp Giấy xác nhận. - Tổ chức, cá nhân chưa đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét cấp Giấy xác nhận. b. Trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp Giấy xác nhận trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân. **Bước 4: Trả kết quả thủ tục hành chính** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường số 437 Nguyễn Văn Linh – TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Một (01)văn bản đề nghị cấp lại Giấy xác nhận (Bản chính). b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết	Trường hợp Giấy xác nhận mất hoặc hư hỏng. Không quá hai mươi (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời hạn tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ: (02) ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cấp Giấy xác nhận: hai mươi (10) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể: Sở TNMT tiến hành kiểm tra thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu và xác nhận thông tin về Giấy Xác nhận. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp sổ, Sở TNMT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để chủ nguồn thải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.
- Phí, lệ phí	không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu đơn, mẫu tờ khai được quy định trong Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm: - Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 2c (cấp lại)
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. Có hiệu lực từ 01/01/2015. - Thông tư về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có hiệu lực từ ngày 27/10/2015. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư số 62/2017/-BTC ngày 19/06/2017 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất. - Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 về sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hánh chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 2a

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.
5. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập	Khối lượng phế liệu đề nghị được	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu
	Tên phế liệu	Mã HS			

			khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)	phế liệu
1					
2					
…					

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

6. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)
<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 2b

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI DO HẾT HẠN GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1) Số: ..... V/v đề nghị cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Địa danh , ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi : ……..(2)……

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân: .....
Số điện thoại: .....Fax.....Email.....
4. Giấy xác nhận đã được cấp: Số..... ngày ... tháng .... năm .....
hết hạn ngày ... tháng .... năm .....
5. Chúng tôi gửi kèm theo văn bản này Hồ sơ đề nghị xem xét cấp lại do hết hạn Giấy xác nhận.
6. Hình thức và khối lượng phế liệu nhập khẩu:
a) Trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS	
1			
2			
…			

b) Nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu.

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)	Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

7. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm, các quy định, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Đề nghị (2) xem xét, kiểm tra và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA (1)

<Ký tên, đóng dấu>

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

Phụ lục 3a

MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)	CƠ QUAN TƯ VẤN (nếu có) (*) (Người đại diện có thẩm quyền ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng… năm…

Ghi chú:

(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa.

Phụ lục 3b

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân

1. Tên Tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu: (cơ sở sản xuất trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

4. Tên người liên hệ:.....

Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp ....(nếu có).

II. Mô tả tóm tắt cơ sở và các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

1. Mô tả tóm tắt việc hình thành cơ sở.

2. Mô tả chi tiết loại hình sản xuất của cơ sở, công nghệ sản xuất; công nghệ tái chế, tái sử dụng phế liệu; công suất; nhu cầu nguyên liệu đầu vào (trong đó mô tả rõ nguyên liệu không phải là phế liệu và nguyên liệu là phế liệu).

3. Mô tả phế liệu nhập khẩu:

a) Đối với phế liệu trong danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

- Loại phế liệu nhập khẩu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, xác định các loại chất thải và kết quả phân tích thành phần chất thải đi kèm phế liệu.

b) Trường hợp cơ sở đề nghị nhập khẩu phế liệu không thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài với mục đích để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất thì cung cấp các thông tin sau:

- Tên phế liệu.
- Loại hình sản xuất phát sinh loại phế liệu: mô tả cụ thể loại hình sản xuất và công đoạn phát sinh loại phế liệu.
- Kết quả phân tích thành phần, tính chất của loại phế liệu.
- Những tạp chất, chất nguy hại có khả năng bám dính kèm với phế liệu.
- Mô tả cụ thể mục đích nhập khẩu phế liệu để thử nghiệm làm nguyên liệu sản xuất.
- Lợi ích kinh tế-xã hội khi sử dụng loại phế liệu dự kiến nhập khẩu.

4. Mô tả các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, sử dụng phế liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015:

a) Mô tả kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu kho.
- Tổng diện tích khu vực kho tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom nước mưa; hệ thống thu gom và biện pháp xử lý các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn, tường, vách ngăn, mái che khu vực lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực kho phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

b) Mô tả bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu:

- Tình trạng hoặc hình thức sở hữu bãi.
- Tổng diện tích khu vực bãi tập kết phế liệu.
- Hệ thống thu gom và biện pháp xử lý nước mưa đợt đầu chảy tràn qua bãi phế liệu nhập khẩu và các loại nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình lưu giữ phế liệu.
- Nền, sàn bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu.
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu.
- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Tình trạng tiếp giáp của khu vực bãi tập kết phế liệu với khu vực xung quanh và khả năng ảnh hưởng có thể có.
- Phương pháp cách ly các yếu tố ảnh hưởng.

c) Các biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sơ chế, chuẩn bị phế liệu trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất, tái chế. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Các biện pháp thu gom chất thải phát sinh từ phế liệu nhập khẩu.
- Khu vực lưu giữ chất thải phát sinh.
- Phương tiện, thiết bị được sử dụng để lưu giữ chất thải (chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại).
- Phương tiện được sử dụng để vận chuyển phế liệu trong nội bộ cơ sở sản xuất.
- Các biện pháp xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị, sơ chế phế liệu nhập khẩu.

d) Công trình, thiết bị xử lý chất thải trong quá trình sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu. Mô tả rõ những nội dung sau:

- Công nghệ, thiết bị được sử dụng để xử lý chất thải (công suất, hiệu quả xử lý...).
- Một số đặc tính kỹ thuật, yêu cầu đặc thù của công nghệ, thiết bị xử lý chất thải (nếu có).
- Khu vực lắp đặt hệ thống, thiết bị xử lý chất thải.
- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, tái chế chất thải phát sinh (khí thải, nước thải,...).
- Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường (nếu có).

đ) Phương án ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng để xử lý chất thải phát sinh từ quá trình sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (kèm theo hợp đồng xử lý chất thải).

III. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

IV. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 3c

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT
(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

MỤC LỤC

I/ Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu:

1. Tên Tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên người liên hệ:.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu đã được cấp số .....ngày....tháng.....năm....., Cơ quan cấp .....(nếu có).

II/ Thông tin về các tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu (kê khai đối với từng tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu):

1. Tên Tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu: .....
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu:.....
4. Tên người liên hệ khi cần :.....
Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
5. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu số ....ngày....tháng...năm....., Cơ quan cấp và kèm theo bản sao có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức, cá nhân.

III. Mô tả về cơ sở và phế liệu nhập khẩu:

1. Mô tả chức năng hoạt động kinh doanh sản xuất: (loại sản phẩm/hàng hoá sản xuất, kinh doanh,...); thâm niên hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, đã từng ký kết hợp đồng nhận ủy thác nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất khi nào (nếu có ghi rõ thời gian, chủng loại, khối lượng phế liệu nhập khẩu). Tình hình chấp hành pháp luật về hoạt động xuất nhập khẩu và bảo vệ môi trường.

2. Mô tả phế liệu: (chủng loại phế liệu nhập khẩu, khối lượng phế liệu dự kiến nhận ủy thác nhập khẩu theo từng hợp đồng nguyên tắc với tổ chức, cá nhân ủy thác nhập khẩu phế liệu).

IV. Phương án xử lý đối với lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường hoặc không thể tái xuất

1. Phương án công nghệ áp dụng để xử lý (hoặc thuê đơn vị có năng lực xử lý): Nêu chi tiết phương án xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm.

- Cách thức vận chuyển.
- Cách thức xử lý phù hợp với loại phế liệu nhập khẩu.
- Cách thức xử lý sản phẩm thu được sau khi xử lý.
- Cách thức xử lý khác (tiêu hủy).

2. Đơn vị thực hiện việc xử lý.

- Nêu rõ chức năng xử lý, năng lực xử lý.
- Các nội dung khác của đơn vị xử lý.

3. Phương án tài chính khi xảy ra vi phạm:

Cam kết về việc tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu.

V. Kết luận và cam kết

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong báo cáo nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

<Ký tên, đóng dấu>

Phụ lục 4a

BẢN CAM KẾT VỀ TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu để sản xuất)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

---

(1)

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày ..... tháng ..... năm ....

BẢN CAM KẾT

TÁI XUẤT HOẶC XỬ LÝ PHẾ LIỆU TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU

Kính gửi: ……..……(2)……..

I. Thông tin chung:

1. Tổ chức, cá nhân (1): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:....., Fax:....., Email:….....

3. Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất sử dụng phế liệu nhập khẩu:

4. Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất số:..... ngày ..... tháng ..... năm ..... Cơ quan cấp.... (nếu có).

II. Thông tin về phế liệu dự kiến nhập khẩu:

TT	Loại phế liệu nhập khẩu		Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy xác nhận (tấn) (*)	Khối lượng phế liệu đề nghị được phép nhập khẩu trong thời hạn của Giấy xác nhận (tấn)
	Tên phế liệu	Mã HS		
1				
2				
…				

(*) Chỉ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu thuộc trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư này.

III. Nội dung cam kết:

1. Chúng tôi cam kết chỉ nhập khẩu phế liệu khi biết rõ xuất xứ, thành phần và hàm lượng tạp chất đi kèm với phế liệu và đáp ứng các yêu cầu quy định của Việt Nam.

2. Chúng tôi cam kết trong hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận giao dịch với bên xuất khẩu có điều khoản yêu cầu bên xuất khẩu phải nhận lại hàng nếu phế liệu không đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường mà hai bên đã thống nhất.

3. Chúng tôi cam kết lưu giữ, vận chuyển và sử dụng phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

4. Chúng tôi cam kết phế liệu nhập khẩu chỉ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất tại cơ sở sản xuất của mình.

5. Nếu để xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu, chúng tôi cam kết tái xuất toàn bộ lô hàng phế liệu nhập khẩu và chịu toàn bộ chi phí tài chính để khắc phục các hậu quả gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp không thể tái xuất được, chúng tôi chịu trách nhiệm xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu với các nội dung cụ thể như sau:

- Thực hiện đúng các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu.
- Lập phương án chi tiết xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm pháp luật trình cơ quan quản lý về môi trường xem xét, quyết định.
- Chịu toàn bộ chi phí cho hoạt động xử lý lô hàng phế liệu nhập khẩu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường không tái xuất được.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA

(1)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....

<Ký tên, đóng dấu>

Ghi chú:
(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu.
(2) Cơ quan thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

12. Thủ tục	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo ĐTM không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Phương án/Phương án bổ sung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 3: Thẩm định phương án** - Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra Tờ trình trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. - Khi có Quyết định thành lập Hội đồng, Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ cho các thành viên trong hội đồng, thông báo cho chủ đầu tư thời gian thẩm định và mời đại diện các cơ quan và địa phương liên quan đến dự án. - Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định. Nội dung của văn bản thông báo phải chỉ rõ một (01) trong các tình trạng sau đây về kết quả thẩm định: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. **Bước 4: Trả kết quả thẩm định:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa. - Hoàn thiện Phương án theo các nội dung yêu cầu của Hội đồng và gửi hồ sơ tại Bộ phận một cửa. - Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 5: Phê duyệt Phương án** + Chi cục bảo vệ môi trường tổ chức rà soát nội dung Phương án của chủ dự án gửi lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung và tham mưu Giám đốc Sở TNMT trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt. **Bước 6: Trả kết quả phê duyệt:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả phê duyệt trực tiếp tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa – Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm (**Điều 3, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**): a. Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án: - Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Phương án theo mẫu quy định tại phụ lục 1A Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. - 07 bản Phương án CTPHMT theo mẫu quy định tại phụ lục 2 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

	- 01 Báo cáo ĐTM/kế hoạch BVMT kèm theo quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận. - 01 Hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản. b. Thành phần hồ sơ phê duyệt phương án: - 01 văn bản giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung - 05 phương án đã chỉnh sửa, bổ sung; chủ dự án ký vào tất cả các trang ở phía dưới bên trái. - 02 đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn tiếp nhận và trả lời tính đầy đủ của hồ sơ: 5 ngày làm việc **(điểm a, khoản 2, Điều 5, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**). + Thời hạn thẩm định: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (**khoản 2, Điều 4, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**). + Thời hạn phê duyệt: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản nêu rõ lý do (**điểm c,khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**)
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quá trình thẩm định: Thông báo kết quả thẩm định của phương án. - Quá trình phê duyệt:Phương án kèm theo Quyết định phê duyệt.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Phương án theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. - Mẫu số 2: Mẫu phương án theo mẫu tương ứng tại Phụ lục 2 và Phụ lục 4 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Có (12 triệu đồng).
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. - Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên.

	- Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1:

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN, PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …	*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*
V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "... (2)..."	

Kính gửi: … (3) …

Chúng tôi là: … (1) …, chủ dự án của …(2)… thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản…Điều…Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ: …;
- Điện thoại: …; Fax: …; E-mail: …

Xin gửi quý … (3) … hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung gồm:

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án/phương án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
- …

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị … (3) …xem xét, thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung..(2)…của chúng tôi./.

… **(4)** **…**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của dự án khai thác khoáng sản; (3) Cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân.*

Mâu 2:

CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I:

THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN

MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương I.

KHÁI QUÁT CHUNG

I. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:..... Fax:.....
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý phương án. Hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý phương án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý phương án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý phương án.

II. Cơ sở để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/phương án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai phương án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; quy định về công tác dự toán, đơn giá, định mức, quy chuẩn kỹ thuật khai thác khoáng sản, quy chuẩn môi trường áp dụng xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

III. Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới… của địa điểm thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

1. Công tác khai thác khoáng sản

- Nêu tóm tắt đặc điểm địa hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản; điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản.
- Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.
- Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.
- Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt phương án mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

- Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.
- Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.
- Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án; các giải pháp kiến trúc-xây dựng,thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

2. Hiện trạng môi trường

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông, hệ thống sông suối, đặc điểm địa hình…, điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.
- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương II.

CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng.
- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định có liên quan.
- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.
- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,…).
- Tính toán "chỉ số phục hồi đất" cho các giải pháp lựa chọn (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình) được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

Trong đó:

+ G_m: giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;

+ G_p: tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;

+ G_c: giá trị nguyên thủy của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);

Trên cơ sở đánh giá và so sánh chỉ số phục hồi đất và ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình), lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

II. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 của Thông tư này.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;
- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;
- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

III. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
I.1	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
…	….						
I.2	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo đường lò, cửa lò khu A						
2	Hệ thống thoát nước khu A						
….	….						
II	Khu vực bãi thải						
1	San gạt khu A						
2	Trồng cây khu						

	A.						
…	…						
III	Khu vực SCN và phụ trợ						
1	Tháo dỡ khu A						
2	Trồng cây khu A						
…	…						
IV	Công tác khác						
…	…..						

Chương III.

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.
- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.
- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

II. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn quy định của Thông tư này.

II. Đơn vị nhận ký quỹ: Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

Chương IV.

CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

I. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của phương án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;
- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;
- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường;
- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;
- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;
- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi cơ quan có phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

II. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

Phần II:

CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm
9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

2. Phụ lục các Hồ sơ, tài liệu liên quan

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và Thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương (nếu có);
- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành và địa phương liên quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

13. Thủ tục	**Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo ĐTM không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Phương án bổ sung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 3: Thẩm định phương án bổ sung** - Chi cục Bảo vệ môi trường tham mưu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ra Tờ trình trình UBND tỉnh ra Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. - Khi có Quyết định thành lập Hội đồng, Chi cục Bảo vệ môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ cho các thành viên trong hội đồng, thông báo cho chủ đầu tư thời gian thẩm định và mời đại diện các cơ quan và địa phương liên quan đến dự án. - Thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định và những yêu cầu liên quan đến việc hoàn chỉnh hồ sơ thẩm định. Nội dung của văn bản thông báo phải chỉ rõ một (01) trong các tình trạng sau đây về kết quả thẩm định: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua. **Bước 4: Trả kết quả thẩm định:** - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả thẩm định tại Bộ phận một cửa. - Hoàn thiện Phương án bổ sung theo các nội dung yêu cầu của Hội đồng và gửi hồ sơ tại Bộ phận một cửa. - Bộ phận một cửa tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 5: Phê duyệt Phương án bổ sung** + Chi cục bảo vệ môi trường tổ chức rà soát nội dung Phương án bổ sung của chủ dự án gửi lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung và tham mưu Giám đốc Sở TNMT trình UBND tỉnh ra Quyết định phê duyệt. **Bước 6: Trả kết quả phê duyệt:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả phê duyệt trực tiếp tại Bộ phận một cửa.
- Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa – Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ gồm (**Điều 3, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**): a. Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án bổ sung: - Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Phương án theo mẫu quy định tại phụ lục 1A Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. - 07 bản Phương án bổ sung CTPHMT theo mẫu quy định tại phụ lục 4

	Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. - 01 Báo cáo ĐTM/kế hoạch BVMT kèm theo quyết định phê duyệt hoặc giấy xác nhận. - 01 Hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản. - 01 bản sao phương án kèm theo quyết định đã được phê duyệt b. Thành phần hồ sơ phê duyệt phương án bổ sung: - 01 văn bản giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung - 05 phương án/phương án bổ sung đã chỉnh sửa, bổ sung; chủ dự án ký vào tất cae các trang ở phía dưới bên trái. - 02 đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu. 2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
- Thời hạn giải quyết	- Thời hạn tiếp nhận và trả lời tính đầy đủ của hồ sơ: 5 ngày làm việc **(điểm a, khoản 2, Điều 5, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**). + Thời hạn thẩm định: 35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (**khoản 2, Điều 4, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**). + Thời hạn phê duyệt: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản nêu rõ lý do (**điểm c,khoản 2, Điều 6, Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT**)
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quá trình thẩm định: Thông báo kết quả thẩm định của phương án bổ sung. - Quá trình phê duyệt: Phương án bổ sung kèm theo Quyết định phê duyệt.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu số 1: Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. - Mẫu số 2: Mẫu phương án bổ sung theo mẫu tương ứng tại Phụ lục 2 và Phụ lục 4 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Có (12 triệu đồng).
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác

	khoáng sản. - Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Mẫu số 1:

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN, PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: …	*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...*
V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "... (2)..."	

Kính gửi: … (3) …

Chúng tôi là: … (1) …, chủ dự án của …(2)… thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản…Điều…Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ: …;
- Điện thoại: …; Fax: …; E-mail: …

Xin gửi quý … (3) … hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung gồm:

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án/phương án bổ sung kèm theo các bản vẽ liên quan;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.
- …

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị … (3) …xem xét, thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung..(2)…của chúng tôi./.

… **(4)** **…**

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của dự án khai thác khoáng sản; (3) Cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (4) Thủ trưởng, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân.*

Mâu 2:

CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương 1.

KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên phương án

Nêu đúng như tên trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp quyết định phê duyệt trước đó. Trường hợp đã được đổi tên khác thì nêu cả tên cũ, tên mới và thuyết minh rõ về quá trình, tính pháp lý của việc đổi tên này.

2. Tổ chức, cá nhân

- Nêu đầy đủ: tên, địa chỉ và phương tiện liên hệ với tổ chức, cá nhân; họ tên và chức danh của người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.
- Tên và địa chỉ đơn vị tư vấn, những người trực tiếp tham gia thực hiện xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

3. Căn cứ và mục tiêu đặt ra đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

4. Vị trí địa lý của phương án

Mô tả vị trí địa lý, địa điểm thực hiện phương án theo quy định như đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực phương án chịu ảnh hưởng trực tiếp của phương án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

5. Hiện trạng môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện phương án (cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung).

Chương 2.

CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Những thay đổi về nội dung của phương án

Mô tả chi tiết, rõ ràng lý do và những nội dung thay đổi của phương án cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

2. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Mô tả các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện (nếu có);
- Mô tả lại các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường được giữ nguyên, không thay đổi trong phương án đã phê duyệt;
- Nêu chi tiết những giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và các thay đổi so với phương án đã được phê duyệt.

Chương 3.

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và trình tự ký quỹ

- Đối với các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận từng phần, tổ chức, cá nhân trong quá trình tính toán khoản tiền ký quỹ được loại bỏ các hạng mục này nhưng phải giải trình chi tiết;

- Tổ chức, cá nhân tính toán lại khoản tiền ký quỹ cho các hạng mục chưa được xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường và các hạng mục công trình có sự thay đổi về giải pháp thực hiện, khối lượng bổ sung có áp dụng các đơn giá mới tại thời điểm lập phương án bổ sung. Việc tính toán khoản tiền ký quỹ tương tự như tính toán trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Thông tư này;
- Tổng số tiền ký quỹ trong phương án bổ sung bằng tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình sau khi trừ đi số tiền tổ chức, cá nhân đã ký quỹ. Số tiền ký quỹ hàng năm trong phương án bổ sung được xác định tương tự như quy định tại Thông tư này.

2. Kế hoạch thực hiện

Phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, chương trình quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án bổ sung.

Chương 4.

CAM KẾT VÀ KẾT LUẬN

Cam kết và Kết luận

Các phụ lục đính kèm tương tự với Phần II của Phụ lục số 2.

14. Thủ tục	**Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** *Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường đến Bộ phận một cửa – Sở Tài nguyên và Môi trường. *Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức biết và hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định. *Bước 3: Thẩm định và thông báo kết quả:* - Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra. - Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực địa; Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản về trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích khu vực đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường Trường hợp hạng mục, công trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện
- Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa – Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường. - 07 (bảy) Báo cáo hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung.
- Thời hạn giải quyết	Tổng thời hạn giải quyết tối đa là 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- *Phụ lục số 14:* Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 15*: Mẫu báo cáo hoàn hành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 18:* Mẫu Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT)..
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không quy định
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. - Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

PHỤ LỤC SỐ 14

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN PHƯƠNG ÁN/PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: ...	
V/v đề nghị đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung " …(2) …"	*(Địa danh), ngày… tháng ... năm ...*

Kính gửi: … (3) …

Chúng tôi là: … (1) …, Chủ phương án, phương án bổ sung " … (2) … "

- Địa điểm thực hiện phương án: …
- Địa chỉ liên hệ: …
- Điện thoại: …; Fax: …; E-mail: …

Xin gửi đến … (3) … những hồ sơ sau:

- 07 (bảy) bản báo cáo hoàn thành từng phần phương án/phương án bổ sung;
- 01 (một) bản sao phương án/phương án bổ sung kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt phương án/phương án bổ sung "… (2) … ";

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên.Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Kính đề nghị …(3)…xem xét, báo cáo cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung..(2)..của chúng tôi./.

Nơi nhận:	*… **(5)** …*
- Như trên;	*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*
-	
- Lưu …	

Ghi chú: *(1) Cơ quan tổ chức, cá nhân; (2) Tên đầy đủ của phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (3) Cơ quan tổ chức việc thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (4) Cơ quan đã ra quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường; (5) Thủ trưởng cơ quan tổ chức, cá nhân.*

PHỤ LỤC SỐ 15

BÁO CÁO HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN PHƯƠNG ÁN /PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BÁO CÁO

HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG/ PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

"… (2) …"(Lần thứ…)

I. Thông tin chung

1. Địa điểm thực hiện: …

2. Tên cơ quan, doanh nghiệp Tổ chức, cá nhân: …

Địa chỉ liên hệ: …Điện thoại: …; Fax: …; E-mail: …

3. Tên cơ quan, doanh nghiệp thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có):

Địa chỉ: …Điện thoại: …; Fax: ….; E-mail: …

4. Tổng số tiền ký quỹ:.....

Số tiền đã ký quỹ:.....tại Quỹ bảo vệ môi trường...

Số tiền đã rút:...

II. Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành

1. Nội dung hoàn thành:

- Trình bày nội dung tổng thể và chi tiết đã hoàn thành theo từng giai đoạn hoặc toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã phê duyệt và yêu cầu của quyết định phê duyệt;

- Nêu mục tiêu tổng quát và chất lượng đạt được của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt.

2. Các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành

- Mô tả chi tiết các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành theo phương án đã được phê duyệt;

- Khối lượng công việc thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành;

- Khối lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường phát sinh (không có trong kế hoạch) để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;

- Công tác quản lý và giám sát môi trường để thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra;

- Lập bảng khối lượng công việc đã hoàn thành, thời gian và kinh phí thực hiện:

TT	Các công trình đã hoàn thành	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian hoàn thành	Ghi chú

III. Kết quả giám sát và giám định

1. Kết quả giám sát

- Trình bày chuỗi số liệu về hiện trạng môi trường tại khu vực theo báo cáo giám sat môi trường hàng năm mà tổ chức, cá nhân đã cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- Đánh giá kết quả chất lượng môi trường từ bắt đầu triển khai thi công công trình đến khi kết thúc thi công công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Kết quả giám định

- Kết quả giám định kỹ thuật của đơn vị giám định các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã hoàn thành (nêu rõ chỉ tiêu đạt được, chỉ tiêu chưa đạt được và nguyên nhân).

- Số liệu giám sát, kết quả phân tích, kết quả giám định được sao gửi kèm báo cáo.

IV. Đánh giá, đề xuất, kiến nghị

1. Đánh giá kết quả đạt được:

2. Đề xuất, kiến nghị:

- Đề xuất thay đổi kinh phí ký quỹ do thay đổi hệ số trượt giá, định mức, đơn giá của địa phương, ngành.

- Kiến nghị: cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ của các nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

V. Phụ lục

- Các đơn giá, định mức sử dụng.
- Giấy xác nhận đã nộp tiền ký quỹ.
- Bản đồ không gian trước và sau quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.
- Kết quả giám sát môi trường.
- Kết quả giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trưường; giám định môi trường.

PHỤ LỤC SỐ 18
MẪU GIẤY XÁC NHẬN HOÀN THÀNH TỪNG PHẦN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG/PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:..../GXN...	
	(Địa danh), ngày… tháng ... năm ...

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (…2…)
(Lần thứ..)

… (1) …
XÁC NHẬN

Điều 1. …(3)… đã hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và yêu cầu của Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … (4) … về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "… (2) …" như sau:

- *(Liệt kê các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được hoàn thành)*
- *(Tương ứng số tiền ký quỹ được rút)*

Điều 2. Tổ chức, cá nhân (hoặc cơ quan tiếp quản các công trình) có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường nêu trong phương án và các yêu cầu của quyết định phê duyệt trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện và báo cáo ngay cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này là cơ sở để tổ chức, cá nhân làm các thủ tục tiếp theo để được hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Giấy xác nhận có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:	… **(5)** …
- Tổ chức, cá nhân;	*(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)*
-	
- Lưu …	

Ghi chú: *(1) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Tên cơ quan tổ chức, cá nhân; (4) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan đã cấp quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung; (5) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

15. Thủ tục	**Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo ĐTM cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** *Bước 1: Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt tại Bộ phận một cửa – Sở Tài nguyên và Môi trường. *Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ (Hồ sơ được coi là hợp lệ khi có ý kiến đồng thuận của cơ quan thường trực thẩm định phương án và cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường). Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. *Bước 3: Thẩm định, phê duyệt phương án* - Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định. - Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường. - Tổ chức họp hội đồng thẩm định. - Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định, gồm: + Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung; + Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng; + Phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định; - Cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ quan thường trực thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đồng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường do chủ dự án gửi đến. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.
- Cách thức	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa – Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi

thực hiện	trường tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; - 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và 07 (bảy) bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; - 01 (một) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác;
- Thời hạn giải quyết	- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:* Năm (05) ngày làm việc. - *Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:* Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	- Quá trình thẩm định: Thông báo kết quả thẩm định của phương án. - Quá trình phê duyệt:Phương án kèm theo Quyết định phê duyệt.
- Phí, lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- *Phụ lục số 1B* Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 2*: Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục 2.2:* Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT). - *Phụ lục 2.3:* Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT). - *Phụ lục số 9B*: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 10:* Mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa của phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Có.
- Căn cứ	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm

pháp lý của TTHC	2014; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC SỐ 1B
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	
V/v thẩm định báo cáo ĐTM và phương án cải tạo, phục hồi môi trườngcủa Dự án (2)	*(Địa danh), ngày… tháng… năm…*

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án/phương án bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản….Điều… Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án: …;
- Địa chỉ liên hệ: …;
- Điện thoại: …; Fax:…; E-mail: …

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.
- Bảy (07) phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án.

Nơi nhận:	(4)
- Như trên;	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
-	
- Lưu …	

Ghi chú: *(1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của Chủ dự án.*

PHỤ LỤC SỐ 2
CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

PHẦN I: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN
MỞ ĐẦU

Nêu tóm tắt những yếu tố hình thành, xuất xứ, sự cần thiết lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương I. KHÁI QUÁT CHUNG

I. Thông tin chung

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: . . . . . Fax: . . . . .
- Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư).
- Hình thức đầu tư và quản lý phương án. Hình thức đầu tư, nguồn vốn và lựa chọn hình thức quản lý phương án. Trường hợp thuê tư vấn quản lý phương án phải nêu rõ thông tin, địa chỉ, tính pháp lý của tổ chức tư vấn quản lý phương án.

II. Cơ sở để lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở pháp lý: Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi/phương án đầu tư, kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, các văn bản phê duyệt quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất khu vực triển khai phương án, quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường và các văn bản khác có liên quan; quy định về công tác dự toán, đơn giá, định mức, quy chuẩn kỹ thuật khai thác khoáng sản, quy chuẩn môi trường áp dụng xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Tài liệu cơ sở: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được phê duyệt và thiết kế cơ sở được thẩm định hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi; Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường được phê duyệt/xác nhận; tài liệu quan trắc môi trường.

Nêu rõ tên tổ chức tư vấn lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường, tên người chủ trì và danh sách những người trực tiếp tham gia.

III. Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới… của địa điểm thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

1. Công tác khai thác khoáng sản

- Nêu tóm tắt đặc điểm địa hình, địa mạo của khu vực khai thác khoáng sản; điều kiện địa chất, địa chất công trình, đặc điểm thành phần thạch học, thành phần khoáng vật khoáng sản; đặc điểm phân bố khoáng sản.
- Tài nguyên, biên giới và trữ lượng khai trường: Nêu tóm tắt về trữ lượng tài nguyên khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác.
- Chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ: Nêu chế độ làm việc, công suất và tuổi thọ mỏ.
- Mở vỉa, trình tự và hệ thống khai thác: Nêu tóm tắt phương án mở vỉa, trình tự khai thác và hệ thống khai thác.

- Vận tải, bãi thải và thoát nước mỏ: Nêu phương thức vận tải trong mỏ, công tác đổ thải và thoát nước mỏ.

- Kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy: Nêu các giải pháp về kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

- Tổng mặt bằng, vận tải ngoài và tổ chức xây dựng: Mô tả tóm tắt giải pháp bố trí tổng mặt bằng, tổ chức vận tải ngoài và tổ chức xây dựng của dự án; các giải pháp kiến trúc-xây dựng,thiết kế cơ sở đã lựa chọn.

2. Hiện trạng môi trường

- Tóm tắt điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông, hệ thống sông suối, đặc điểm địa hình…, điều kiện kinh tế - xã hội và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

- Nêu hiện trạng môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả phân tích môi trường thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Chương II. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của từng loại hình khai thác khoáng sản, ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường, cộng đồng dân cư xung quanh; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực, tổ chức, cá nhân phải xây dựng các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khả thi. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường phải đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng.

- Việc cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này và các quy định có liên quan.

- Mô tả khái quát các giải pháp; các công trình và khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường. Xây dựng bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác và thể hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường, tính bền vững, an toàn của các công trình cải tạo, phục hồi môi trường của phương án (bao gồm: sụt lún, trượt lở, chống thấm, hạ thấp mực nước ngầm, nứt gãy, sự cố môi trường,…).

- Tính toán "chỉ số phục hồi đất" cho các giải pháp lựa chọn (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình) được xác định theo biểu thức sau:

$$I_p = (G_m - G_p)/G_c$$

Trong đó:

+ G_m: giá trị đất đai sau khi phục hồi, dự báo theo giá cả thị trường tại thời điểm tính toán;

+ G_p: tổng chi phí phục hồi đất để đạt được mục đích sử dụng;

+ G_c: giá trị nguyên thuỷ của đất đai trước khi mở mỏ ở thời điểm tính toán (theo đơn giá của Nhà nước);

Trên cơ sở đánh giá và so sánh chỉ số phục hồi đất và ưu điểm, nhược điểm của các giải pháp (tối thiểu 02 giải pháp cho mỗi hạng mục công trình), lựa chọn giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường tối ưu.

II. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Từ giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường đã lựa chọn, xây dựng nội dung, danh mục, khối lượng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường, cụ thể:

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc các công trình chính để cải tạo, phục hồi môi trường theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 của Thông tư này.

- Thiết kế, tính toán khối lượng công việc để cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng mục tiêu đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Thiết kế các công trình để giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với từng giai đoạn trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu, đất đai, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường;

- Xây dựng các kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế, thi công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường dựa trên báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác mỏ hoặc thiết kế cơ sở khai thác mỏ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.

III. Kế hoạch thực hiện

Trình bày sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Trình bày tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và kế hoạch giám sát chất lượng công trình.

Kế hoạch tổ chức giám định các công trình cải tạo, phục hồi môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.

Trong quá trình khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân có thể kết hợp sử dụng kết quả giám sát môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt.

Lập bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu sau:

TT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Khu vực khai thác						
I.1	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo bờ mỏ, đáy mỏ, bờ moong, đáy mong khu A						
2	Trồng cây khu A						
…	….						
I.2	Đối với khai thác lộ thiên						
1	Cải tạo đường lò, cửa lò khu A						
2	Hệ thống						

	thoát nước khu A						
….	….						
II	Khu vực bãi thải						
1	San gạt khu A						
2	Trồng cây khu A.						
…	…						
III	Khu vực SCN và phụ trợ						
1	Tháo dỡ khu A						
2	Trồng cây khu A						
…	…						
IV	Công tác khác						
…	…..						

Chương III. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Căn cứ tính dự toán: định mức, đơn giá mới nhất của địa phương hoặc theo các Bộ, ngành tương ứng trong trường hợp địa phương chưa có định mức, đơn giá.

- Nội dung của dự toán: theo điều kiện thực tế của công tác cải tạo, phục hồi môi trường; theo khối lượng và nội dung công việc cải tạo, phục hồi nêu trên và theo hướng dẫn tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Lập bảng tổng hợp chi phí gồm các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng; đơn giá từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn và tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường.

II. Tính toán khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Các khoản tiền ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo, thời điểm ký quỹ lần đầu và các lần tiếp theo theo hướng dẫn quy định của Thông tư này.

II. Đơn vị nhận ký quỹ: Tổ chức, cá nhân lựa chọn đơn vị nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (Quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam).

Chương IV. CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ KẾT LUẬN

I. Cam kết của tổ chức, cá nhân

Các cam kết của tổ chức, cá nhân về thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; tuân thủ các quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của phương án. Cụ thể:

- Cam kết tính trung thực, khách quan khi tính toán khoản tiền ký quỹ;

- Các cam kết thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường... theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- Cam kết bố trí nguồn vốn để thực hiện;

- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường;

- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp gây ra sự cố môi trường;

- Cam kết thực hiện chế độ nộp báo cáo, chế độ kiểm tra theo đúng quy định;

- Cam kết lập báo cáo về kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và kết quả chương trình giám sát môi trường gửi cơ quan có phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của địa phương theo quy định.

II. Kết luận

Nêu kết luận và đánh giá hiệu quả của phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Tính hợp lý của số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

PHẦN II: CÁC PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ vị trí khu vực khai thác mỏ (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
2	Bản đồ địa hình có (hoặc không có) lộ vỉa khu mỏ (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật.
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000).
6	Bản đồ tổng mặt bằng hiện trạng mỏ (tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000), có thể hiện tất cả các hạng mục công trình và mạng kỹ thuật
7	Bản đồ vị trí khu vực cải tạo, phục hồi môi trường (tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000)
8	Bản đồ cải tạo, phục hồi môi trường theo từng giai đoạn, từng năm
9	Bản đồ hoàn thổ không gian đã khai thác (tỷ lệ 1/1.000 hoặc 1/2.000)
10	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình cải tạo, phục hồi môi trường
11	Sơ đồ vị trí các công trình quan trắc môi trường, giám sát môi trường

2. Phụ lục các Hồ sơ, tài liệu liên quan

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường đơn giản/Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có);

- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác và Thông báo thẩm định thiết kế cơ sở hoặc tài liệu tương đương (nếu có);

- Đơn giá sử dụng tính dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường; đơn giá, định mức của các bộ, ngành và địa phương liên quan; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có).

PHỤ LỤC 2.2
MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)
(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (*)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)	(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(**), tháng … năm …

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan chủ dự án;
(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;
(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;
(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

PHỤ LỤC 2.3
CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

Lưu ý:

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.
- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.

4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

Chương 1
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới…) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới…).
- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử…).
- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

Lưu ý:

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)

1.4.1. Mô tả mục tiêu của dự án

1.4.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, điểm di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

1.4.8. Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

Yêu cầu:

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	*Các hoạt động*	*Tiến độ thực hiện*	*Công nghệ/cách thức thực hiện*	*Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh*
1	*2*	*3*	*4*	*5*
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

Chương 2
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v… đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.

2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quí, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án.

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải

sản khác (nếu có).

Yêu cầu đối với mục 2.1:

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

2.2.2. Điều kiện về xã hội

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

Yêu cầu đối với mục 2.2:

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Chương 3
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Nguyên tắc chung: *Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).*

3.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm).

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn)

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:

- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.

3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));

- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vậy, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v…) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.

Chương 4
BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Yêu cầu:

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện

pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

Chương 5
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m^3/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

Yêu cầu:

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;

- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);

- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;

- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

Chương 6
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

3. Cam kết

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các

cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật…) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC SỐ 9B
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	
	(Địa danh), ngày… tháng… năm…

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án (2)

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ (4);

Căn cứ (5) (nếu có);

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) họp ngày… tháng… năm… tại…;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án (2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số… ngày… tháng… năm… của (6);

Xét đề nghị của (7),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2) được lập bởi (6) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. …

1.2. …

…

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. …

2.2. …

…

3. Các điều kiện kèm theo (nếu có):

3.1. …

3.2. …

…

Điều 2. Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án (2) của Chủ dự án với các nội dụng cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ:…lần

+ Lần 1, số tiền:…;

+ Lần …, số tiền:…;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm….. *(năm phê duyệt phương án)*

Điều 3. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường *(chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP).*

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (1).

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Ủy nhiệm (8) thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
-
- Lưu …

(3)
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho (1) thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); (6) Chủ dự án; (7) Thủ trưởng cơ quan thường trực thẩm định ĐTM và phương án; (8) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.*

PHỤ LỤC SỐ 10
MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA PHƯƠNG ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) … xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường "…(2) …" được phê duyệt tại Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … (3) …

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng cơ quan phê duyệt
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (*1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường*

16. Thủ tục	**Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo ĐTM cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Phương án bổ sung tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, Bộ phận một cửa ghi phiếu hẹn kết quả và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trong vòng 1 ngày. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Chi cục BVMT xem xét hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ phải có văn bản thông báo cho chủ dự án. **Bước 3: Thẩm định phương án bổ sung** - Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung thông qua Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. - Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận; Lấy mẫu phân tích kiểm chứng; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. - Tổ chức họp hội đồng thẩm định. - Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định, gồm: + Một (01) văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung; + Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang báo cáo kể cả phụ lục (trừ trang bìa thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.2 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT) với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT kèm theo một (01) đĩa CD trên đó chứa một (01) tệp văn bản điện tử định dạng đuôi ".doc" chứa nội dung của báo cáo và một (01) tệp văn bản điện tử định dạng; + Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng;; - Cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

	trường và cơ quan thường trực thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường đồng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do chủ dự án gửi đến. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.
- Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa – Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; - 07 (bảy) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và 07 (bảy) bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường; - 01 (một) bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác; - 01 (một) bản sao phương án kèm theo quyết định đã phê duyệt.
- Thời hạn giải quyết	- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:* Năm (05) ngày làm việc. - *Thời hạn thẩm định hồ sơ và ra Quyết định phê duyệt:* Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban, ngành có liên quan.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung
- Phí, lệ phí	Có.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- *Phụ lục số 1B* Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 4:* Cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục 2.2:* Mẫu trang bìa, trang phụ bìa của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT).

	- *Phụ lục 2.3:* Cấu trúc và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT). - *Phụ lục số 9B*: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT); - *Phụ lục số 10:* Mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa của phương án (ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT);
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Có
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC SỐ 1B
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...	
V/v thẩm định báo cáo ĐTM và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2)	*(Địa danh), ngày… tháng… năm…*

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ dự án của (2), thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc mục số ... Phụ lục II (hoặc thuộc mục số ... Phụ lục III) Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án/phương án bổ sung thuộc đối tượng tại Khoản….Điều… Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư do ... phê duyệt.

- Địa điểm thực hiện Dự án: …;
- Địa chỉ liên hệ: …;
- Điện thoại: …; Fax:…; E-mail: …

Xin gửi đến quý (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).
- Bảy (07) bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.
- Bảy (07) phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án.

Nơi nhận:	(4)
- Như trên;	(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
-	
- Lưu …	

Ghi chú: *(1) Chủ dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; (4) Đại diện có thẩm quyền của Chủ dự án.*

PHỤ LỤC SỐ 04

CẤU TRÚC VÀ HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương 1. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tên phương án

Nêu đúng như tên trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cấp quyết định phê duyệt trước đó. Trường hợp đã được đổi tên khác thì nêu cả tên cũ, tên mới và thuyết minh rõ về quá trình, tính pháp lý của việc đổi tên này.

2. Tổ chức, cá nhân

- Nêu đầy đủ: tên, địa chỉ và phương tiện liên hệ với tổ chức, cá nhân; họ tên và chức danh của người đứng đầu tổ chức, cá nhân tại thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

- Tên và địa chỉ đơn vị tư vấn, những người trực tiếp tham gia thực hiện xây dựng phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

3. Căn cứ và mục tiêu đặt ra đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

4. Vị trí địa lý của phương án

Mô tả vị trí địa lý, địa điểm thực hiện phương án theo quy định như đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường trước đó khi có sự thay đổi của các đối tượng tự nhiên, các đối tượng về kinh tế - xã hội và các đối tượng khác xung quanh khu vực phương án chịu ảnh hưởng trực tiếp của phương án, kèm theo sơ đồ vị trí địa lý thể hiện các đối tượng này, có chú giải rõ ràng.

5. Hiện trạng môi trường tự nhiên và các yếu tố kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện phương án (cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung).

Chương 2. CÁC GIẢI PHÁP CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Những thay đổi về nội dung của phương án

Mô tả chi tiết, rõ ràng lý do và những nội dung thay đổi của phương án cho đến thời điểm lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

2. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Mô tả các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã và đang thực hiện (nếu có);

- Mô tả lại các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường được giữ nguyên, không thay đổi trong phương án đã phê duyệt;

- Nêu chi tiết những giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và các thay đổi so với phương án đã được phê duyệt.

Chương 3. DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và trình tự ký quỹ

- Đối với các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được xác nhận từng phần, tổ chức, cá nhân trong quá trình tính toán khoản tiền ký quỹ được loại bỏ các hạng mục này nhưng phải giải trình chi tiết;

- Tổ chức, cá nhân tính toán lại khoản tiền ký quỹ cho các hạng mục chưa được xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường và các hạng mục công trình có sự

thay đổi về giải pháp thực hiện, khối lượng bổ sung có áp dụng các đơn giá mới tại thời điểm lập phương án bổ sung. Việc tính toán khoản tiền ký quỹ tương tự như tính toán trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Thông tư này;

- Tổng số tiền ký quỹ trong phương án bổ sung bằng tổng số tiền ký quỹ của các hạng mục công trình sau khi trừ đi số tiền tổ chức, cá nhân đã ký quỹ. Số tiền ký quỹ hàng năm trong phương án bổ sung được xác định tương tự như quy định tại Thông tư này.

2. Kế hoạch thực hiện

Phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường, chương trình quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án bổ sung.

Chương 4. CAM KẾT VÀ KẾT LUẬN

Cam kết và Kết luận

Các phụ lục đính kèm tương tự với Phần II của Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

PHỤ LỤC 2.2
MẪU TRANG BÌA, TRANG PHỤ BÌA CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Cơ quan chủ quản/phê duyệt dự án (nếu có)
(1)

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của dự án (2)

CHỦ DỰ ÁN (*)	ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)	(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Địa danh(**), tháng … năm …

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan chủ dự án;
(2) Tên gọi đầy đủ, chính xác của dự án;
(*) Chỉ thể hiện ở trang phụ bìa;
(**) Ghi địa danh cấp tỉnh nơi thực hiện dự án hoặc nơi đặt trụ sở chính của chủ dự án.

PHỤ LỤC 2.3
CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

MỤC LỤC
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Trình bày tóm tắt về xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của dự án, sự cần thiết phải đầu tư dự án, trong đó nêu rõ loại hình dự án mới, dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp, dự án nâng công suất, dự án điều chỉnh, dự án bổ sung hay dự án loại khác.

Lưu ý:

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc văn bản thông báo về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc văn bản thông báo về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó (nếu có);

- Đối với trường hợp dự án phải lập lại báo cáo phải nêu rõ lý do lập lại và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành, cơ quan ban hành kèm theo bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trước đó đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.

1.3. Mối quan hệ của dự án với các dự án, quy hoạch phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt (nêu rõ hiện trạng của các dự án, quy hoạch phát triển có liên quan đến dự án).

1.4. Trường hợp dự án nằm trong khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác thì phải nêu rõ tên gọi của các khu đó, sao và đính kèm các văn bản sau đây (nếu có) vào Phụ lục của báo cáo ĐTM:

- Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

- Văn bản xác nhận việc đã thực hiện, hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất và các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung khác.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Cần nêu đầy đủ, chính xác về số hiệu, ngày ban hành, trích yếu nội dung, cơ quan ban hành của từng văn bản.

2.2. Liệt kê đầy đủ các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Nêu tóm tắt về việc tổ chức thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của chủ dự án, trong đó chỉ rõ việc có thuê hay không thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo ĐTM. Trường hợp không thuê đơn vị tư vấn phải nêu rõ cơ quan Chủ dự án có bộ phận chuyên môn, cán bộ chuyên trách về môi trường. Trường hợp có thuê đơn vị tư vấn, nêu rõ tên đơn vị tư vấn, họ và tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ của đơn vị tư vấn.
- Danh sách (có chữ ký) của những người trực tiếp tham gia ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án.

Lưu ý: Nêu rõ các thành viên của chủ dự án và các thành viên của đơn vị tư vấn (nếu có), nêu rõ học hàm, học vị, chuyên ngành đào tạo, và nội dung phụ trách trong quá trình ĐTM của từng thành viên và thông tin về chứng chỉ tư vấn ĐTM, gồm có: số, ngày, tháng, cơ quan cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật về quản lý và cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM.

4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Liệt kê đầy đủ các phương pháp đã được sử dụng cụ thể ở nội dung nào trong quá trình thực hiện ĐTM và phân thành hai (2) nhóm:

- Các phương pháp ĐTM;
- Các phương pháp khác (điều tra, khảo sát, nghiên cứu, đo đạc, phân tích môi trường, v.v.).
- Chỉ rõ mục đích áp dụng của từng phương pháp.

Chương 1
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Tên dự án

Nêu chính xác tên gọi của dự án (theo báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương của dự án).

1.2. Chủ dự án

Nêu đầy đủ, chính xác tên chủ dự án, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ dự án; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ dự án.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Mô tả rõ ràng vị trí địa lý (gồm cả tọa độ theo quy chuẩn hiện hành, ranh giới…) của địa điểm thực hiện dự án trong mối tương quan với:

- Các đối tượng tự nhiên (hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối, ao, hồ và các nguồn nước khác; rừng, khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ thiên nhiên thế giới…).
- Các đối tượng kinh tế - xã hội (khu dân cư; khu đô thị; các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các công trình văn hóa, tôn giáo; các di tích lịch sử…).
- Các đối tượng khác xung quanh khu vực dự án có khả năng bị tác động bởi dự án.

Lưu ý: Các thông tin về các đối tượng tại mục này phải được thể hiện trên sơ đồ vị trí địa lý ở tỷ lệ phù hợp (trường hợp cần thiết, chủ dự án bổ sung bản đồ hành chính vùng dự án hoặc ảnh vệ tinh) và có chú giải rõ ràng.

- Các phương án vị trí (nếu có) và phương án lựa chọn.

Lưu ý:

- Mô tả cụ thể hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của dự án;

- Cần thuyết minh rõ về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với các quy định pháp luật và các quy hoạch phát triển có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.5. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)

1.5.1. Mô tả mục tiêu của dự án

1.5.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Liệt kê đầy đủ, mô tả chi tiết về khối lượng và quy mô (không gian và thời gian) của các hạng mục, theo từng giai đoạn của dự án có khả năng gây tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án, kèm theo sơ đồ, bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí tất cả các hạng mục công trình hoặc các sơ đồ, bản vẽ riêng lẻ cho từng hạng mục công trình có khả năng gây tác động đến môi trường. Các công trình được phân thành 2 loại sau:

- Các hạng mục công trình chính: công trình phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án;

- Các hạng mục công trình phụ trợ: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, cây xanh, trạm xử lý nước thải, nơi xử lý hoặc trạm tập kết chất thải rắn, các công trình bảo vệ rừng, tài nguyên thủy sản, phòng chống xâm nhập mặn, lan truyền nước phèn, ngăn ngừa thay đổi chế độ thủy văn, phòng chống xói lở, bồi lắng; các công trình ứng phó sự cố tràn dầu, cháy nổ, sự cố môi trường và các công trình khác (tùy thuộc vào loại hình dự án).

1.4.3. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

Mô tả chi tiết, cụ thể về các biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn biện pháp, công nghệ.

1.4.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Mô tả chi tiết, cụ thể về công nghệ sản xuất, vận hành của dự án có khả năng gây tác động xấu đến môi trường và nêu rõ cơ sở lựa chọn công nghệ kèm theo sơ đồ minh họa. Trên sơ đồ minh họa, chỉ rõ các yếu tố có khả năng phát sinh, như: nguồn phát sinh chất thải và các yếu tố gây tác động khác không do chất thải gây ra như thay đổi cân bằng nước, bồi lắng, xói lở, chấn động, ồn, xâm phạm vùng sinh thái tự nhiên, xâm phạm vào khu dân cư, điểm di tích, công trình tôn giáo văn hóa, khu sản xuất, kinh doanh.

1.4.5. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến

Liệt kê các loại máy móc, thiết bị chính cần có của dự án.

1.4.6. Nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án

Liệt kê đầy đủ thành phần và tính chất của các loại nguyên, nhiên, vật liệu (đầu vào) và các sản phẩm (đầu ra) của dự án kèm theo chỉ dẫn về tên thương mại và công thức hóa học (nếu có).

1.4.7. Tiến độ thực hiện dự án

Mô tả chi tiết về tiến độ thực hiện các hạng mục công trình theo từng giai đoạn của dự án từ khi bắt đầu cho đến khi hoàn thành, đi vào vận hành chính thức và có thể thể hiện dưới dạng biểu đồ.

1.4.8. Vốn đầu tư

Nêu rõ tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, trong đó chỉ rõ mức đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

1.4.9. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Thể hiện rõ nhu cầu nhân lực, cơ cấu tổ chức quản lý và mối liên hệ giữa các phòng, ban; tổ chức ăn ở, sinh hoạt cho công nhân theo các giai đoạn của dự án. Minh họa các thông tin về tổ chức quản lý của dự án bằng một sơ đồ khối.

Đối với bộ phận chuyên trách về môi trường, phải phản ánh rõ số lượng cán bộ, chuyên môn và trình độ đào tạo.

Yêu cầu:

Trên cơ sở các nội dung chủ yếu của dự án đã được trình bày ở phần trên (quy mô của dự án; các giai đoạn của dự án; biện pháp, khối lượng thi công các hạng mục công trình; công nghệ sản xuất, vận hành; nhu cầu về năng lượng, nguyên, nhiên vật liệu, nhu cầu sử dụng nước, thiết bị máy móc và tiến độ thực hiện), thống kê tóm tắt các thông tin chính dưới dạng bảng sau:

Các giai đoạn của dự án	*Các hoạt động*	*Tiến độ thực hiện*	*Công nghệ/cách thức thực hiện*	*Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh*
1	*2*	*3*	*4*	*5*
Chuẩn bị				
Xây dựng				
Vận hành				
Giai đoạn khác (nếu có)				

- Đối với các dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất trong nội dung chương này phải làm rõ thêm các thông tin về thực trạng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở hiện hữu, các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng trong dự án cải tạo, dự án mở rộng, dự án nâng cấp; các công trình, thiết bị sẽ thay đổi, điều chỉnh, bổ sung, kết nối với các hạng công trình mới.

Chương 2
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

Đề cập và mô tả những đối tượng, hiện tượng, quá trình có thể bị tác động bởi dự án (đối với dự án có làm thay đổi các yếu tố địa lý, cảnh quan; dự án khai thác khoáng sản và dự án liên quan đến các công trình ngầm thì phải mô tả một cách chi tiết).

2.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Nêu rõ các yếu tố khí hậu, khí tượng đặc trưng với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở đầu vào tính toán, dự báo các tác động của dự án như nhiệt độ, hướng và vận tốc gió, lượng mưa, v.v… đặc biệt, chú ý làm rõ các hiện tượng bất thường.

2.1.3. Điều kiện thủy văn/hải văn

Mô tả đặc trưng thủy văn/hải văn với chuỗi số liệu đủ dài, phù hợp với loại hình dự án, địa điểm thực hiện dự án để làm cơ sở tính toán, dự báo các tác động của dự án như mực nước, lưu lượng, tốc độ dòng chảy, v.v..

2.1.4. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí

- Làm rõ chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án như môi trường không khí tiếp nhận trực tiếp nguồn khí thải của dự án (lưu ý hơn đến các vùng bị ảnh hưởng ở cuối các hướng gió chủ đạo), nguồn nước tiếp nhận nước thải của dự án, chất lượng đất khu vực dự kiến thực hiện dự án, v.v..

- Đưa ra đánh giá, nhận xét về chất lượng môi trường so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, nhận định về nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm; thực hiện đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường khu vực dự án trong trường hợp có đủ cơ sở dữ liệu về môi trường trên cơ sở kết quả lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường.

- Nêu rõ các vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng các thành phần môi trường theo quy định hiện hành.

- Các điểm đo đạc, lấy mẫu phải có mã số, tọa độ, có chỉ dẫn về thời gian, địa điểm, đồng thời, phải được thể hiện bằng các biểu, bảng rõ ràng và được minh họa bằng sơ đồ bố trí các điểm trên nền bản đồ khu vực thực hiện dự án. Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích phải tuân thủ quy trình, quy phạm về quan trắc, phân tích môi trường và phải được thực hiện bởi đơn vị chức năng được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên khu vực dự án.

Lưu ý: Đối với dự án có liên quan đến phóng xạ, trong mục 2.1.4 cần trình bày rõ hoạt động quan trắc phóng xạ, kết quả quan trắc; đánh giá hiện trạng và sơ bộ phân tích nguyên nhân.

2.1.5. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

Hiện trạng đa dạng sinh học của khu vực dự án và các khu vực chịu ảnh hưởng của dự án, bao gồm:

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học trên cạn có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: nơi cư trú, các vùng sinh thái nhạy cảm (đất ngập nước nội địa, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới trong và lân cận khu vực dự án); khoảng cách từ dự án đến các vùng sinh thái nhạy cảm gần nhất; diện tích các loại rừng (nếu có); danh mục và hiện trạng các loài thực vật, động vật hoang dã, trong đó có các loài nguy cấp, quí, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng có thể bị tác động do dự án.

- Số liệu, thông tin về đa dạng sinh học biển và đất ngập nước ven biển có thể bị tác động bởi dự án, bao gồm: đặc điểm hệ sinh thái biển và đất ngập nước ven biển, danh mục và hiện trạng các loài phiêu sinh, động vật đáy, cá và tài nguyên thủy, hải

sản khác (nếu có).

Yêu cầu đối với mục 2.1:

- Cần có số liệu mới nhất về điều kiện môi trường tự nhiên trên cơ sở khảo sát thực tế do chủ đầu tư hoặc đơn vị tư vấn thực hiện. Nếu là số liệu của các đơn vị khác cần ghi rõ nguồn, thời gian khảo sát.

- Chỉ dẫn nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, sử dụng.

2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.2.1. Điều kiện về kinh tế

Nêu rõ các hoạt động kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, khai khoáng, du lịch, thương mại, dịch vụ và các ngành khác), nghề nghiệp, thu nhập của các hộ bị ảnh hưởng do các hoạt động triển khai dự án.

2.2.2. Điều kiện về xã hội

- Nêu rõ đặc điểm dân số, điều kiện y tế, văn hóa, giáo dục, mức sống, tỷ lệ hộ nghèo, các công trình văn hóa, xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử, khu dân cư, khu đô thị và các công trình liên quan khác chịu tác động của dự án.

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án.

Yêu cầu đối với mục 2.2:

- Số liệu về kinh tế - xã hội phải được cập nhật tại thời điểm thực hiện ĐTM và được trích dẫn về nguồn gốc, thời gian, đảm bảo độ tin cậy;

- Đối với các dự án đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, nội dung của mục 2.2 chỉ nêu hoạt động đầu tư phát triển và hoạt động bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Chương 3
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Nguyên tắc chung: *Việc đánh giá, dự báo tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội và cộng đồng dân cư được thực hiện theo các giai đoạn chuẩn bị, xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có) và phải được cụ thể hóa cho từng nguồn gây tác động, đến từng đối tượng bị tác động. Mỗi tác động đều phải được đánh giá cụ thể, chi tiết về mức độ, về quy mô không gian và thời gian (đánh giá định lượng, định tính, chi tiết và cụ thể cho dự án đó bằng các phương pháp tính toán hoặc mô hình hóa (trong các trường hợp có thể sử dụng mô hình) để xác định các tác động).*

3.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án.

- Đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư (đặc biệt đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác, mất việc làm).

- Đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng (phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác).

3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động khai thác vật liệu xây dựng phục vụ dự án (nếu thuộc phạm vi dự án);

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;

- Đánh giá, dự báo tác động của hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án hoặc các hoạt động triển khai thực hiện dự án (đối với các dự án không có các hạng mục công trình xây dựng).

3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành dự án cần phải tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải (khí, lỏng, rắn)

- Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải.

3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác (tháo dỡ, đóng cửa, cải tạo, phục hồi môi trường và các hoạt động khác có khả năng gây tác động đến môi trường) của dự án (nếu có).

Việc đánh giá, dự báo tác động trong giai đoạn này cần tập trung dự báo các nguồn chất thải tồn lưu sau giai đoạn vận hành và những vấn đề môi trường liên quan đến hoạt động phá dỡ các công trình, phục hồi, cải tạo môi trường khu vực dự án.

Yêu cầu đối với các mục 3.1.1, 3.1.2, 3.1.3 và 3.1.4:

- Từng nguồn gây tác động phải được đánh giá tác động theo đối tượng bị tác động, phạm vi, mức độ tác động, xác suất xảy ra tác động, khả năng phục hồi của các đối tượng bị tác động;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải: cần cụ thể hóa về thải lượng, tải lượng và nồng độ của tất cả các thông số chất thải đặc trưng cho dự án và so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, cụ thể hóa về không gian và thời gian phát sinh chất thải;

- Cần làm rõ nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải (tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vật, động vật hoang dã, tác động đến hệ sinh thái nhạy cảm, suy thoái các thành phần môi trường vật lý và sinh học; biến đổi đa dạng sinh học, các tác động do biến đổi khí hậu và các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác);

- Các tác động tiêu cực và tích cực quan trọng nhất cần được đánh giá, dự báo gồm: tác động đến các thành phần môi trường tự nhiên; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến sức khỏe cộng đồng; tác động đến biến đổi khí hậu;

- Việc đánh giá, dự báo các tác động đến sức khỏe cộng đồng phải làm rõ được mức độ của các tác động gắn với quy mô và phạm vi cộng đồng chịu tác động;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất phải đánh giá, dự báo tác động tích lũy (tổng hợp) những nguồn thải mới và nguồn phát thải ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện hữu.

3.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

- Việc đánh giá, dự báo tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần dựa trên cơ sở kết quả dự báo rủi ro, sự cố của dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương) hoặc dựa trên cơ sở giả định các rủi ro, sự cố xảy ra trong các giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có));

- Chỉ dẫn cụ thể về mức độ, không gian và thời gian xảy ra tác động do rủi ro, sự cố.

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy, chi tiết của những kết quả đánh giá, dự báo về các tác động môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án. Đối với các vấn đề còn thiếu độ tin cậy cần thiết, phải nêu rõ các lý do khách quan, chủ quan (như thiếu thông tin, dữ liệu; số liệu, dữ liệu hiện có đã bị lạc hậu; số liệu, dữ liệu tự tạo lập chưa có đủ độ chính xác, tin cậy; thiếu hoặc độ tin cậy của phương pháp đánh giá có hạn; trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ về ĐTM có hạn; các nguyên nhân khác).

Lưu ý: Việc đánh giá, dự báo các tác động không liên quan đến chất thải (như tiếng ồn, độ rung, xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ, đáy biển; thay đổi mực nước mặt, nước ngầm; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; mất rừng, thảm thực vậy, suy thoái các thành phần môi trường vật lý; mất, suy giảm đa dạng sinh học, v.v…) phải làm rõ được quy mô, mức độ của các tác động gắn với yếu tố thời gian và đối tượng chịu tác động.

Chương 4
BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ RỦI RO, SỰ CỐ CỦA DỰ ÁN

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác (nếu có)

Trên cơ sở kết quả đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng do các rủi ro, sự cố của dự án gây ra cần đề xuất các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro theo từng giai đoạn của dự án (chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác (nếu có)).

4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Nêu rõ tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Yêu cầu:

- Đối với mỗi giai đoạn nêu tại mục 4.1 và 4.2 Phụ lục này, việc đề ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

+ Mỗi tác động tiêu cực đã được đánh giá dự báo trong Chương 3 đều phải có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tương ứng. Trong trường hợp không thể có biện

pháp khả thi thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị về phương hướng, cách thức giải quyết;

+ Phải nêu rõ sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu, các tác động tiêu cực sẽ được giảm đến mức nào, có so sánh đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành.

+ Mỗi biện pháp đưa ra phải được cụ thể hóa về tính khả thi của biện pháp, không gian, thời gian và hiệu quả áp dụng của biện pháp;

+ Trường hợp các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu những tác động tiêu cực của dự án liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, phải kiến nghị cụ thể tên các cơ quan, tổ chức đó và đề xuất phương án phối hợp giải quyết;

- Đối với dự án cải tạo, mở rộng, nâng cấp, nâng công suất nội dung của các Điểm 4.1.3 và 4.2.3 Phụ lục này cần nêu rõ kết quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở đang hoạt động và phân tích các nguyên nhân của các kết quả đó; hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở đang hoạt động và mối liên hệ của các công trình, biện pháp này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

Chương 5
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1, 3, 4 dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
1	2	3	4	5	6	7	8
Chuẩn bị							
Xây dựng							
Vận hành							
Giai đoạn khác của dự án (nếu có)							

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương trình giám sát môi trường phải được đặt ra cho suốt quá trình thực hiện dự án, được thiết kế theo các giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng, vận hành và giai đoạn khác của dự án (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung giám sát chất thải và giám sát các vấn đề môi trường khác, cụ thể như sau:

- Giám sát nước thải và khí thải: phải giám sát lưu lượng thải và các thông số đặc trưng của các nguồn nước thải, khí thải sau xử lý với tần suất tối thiểu 01 lần/03 tháng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); vị trí các điểm giám sát phải được mô tả rõ và thể hiện trên sơ đồ với chú giải rõ ràng.

- Giám sát chất thải rắn: giám sát tổng lượng thải (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời.

- Việc giám sát tự động liên tục chất thải thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

+ Giám sát tự động liên tục nước thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục nước thải áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; nước thải sau xử lý của dự án nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải từ 1.000 m^3/ngày đêm trở lên (không bao gồm nước làm mát).

+ Giám sát tự động liên tục khí thải: ngoài việc giám sát định kỳ, việc giám sát tự động liên tục khí thải sau xử lý áp dụng đối với các dự án: sản xuất xi măng; nhà máy nhiệt điện (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng nhiên liệu khí tự nhiên); sản xuất phôi thép công suất trên 200.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy sản xuất hóa chất và phân bón hóa học công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy công nghiệp sản xuất dầu mỏ công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm; lò hơi công nghiệp công suất trên 20 tấn hơi/giờ.

- Giám sát môi trường xung quanh: chỉ áp dụng cho giai đoạn hoạt động của các dự án có phát sinh phóng xạ với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng; vị trí các điểm giám sát phải được lựa chọn để đảm bảo tính đại diện và phải được mô tả rõ kèm theo sơ đồ minh họa.

- Giám sát các vấn đề môi trường khác (trong trường hợp dự án có thể gây tác động đến): các hiện tượng trượt, sụt, lở, lún, xói lở bồi lắng; sự thay đổi mực nước mặt, nước ngầm, xâm nhập mặn, xâm nhập phèn, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhằm theo dõi được sự biến đổi theo không gian và thời gian của các vấn đề này với tần suất tối thiểu 01 lần/06 tháng.

Yêu cầu:

- Đối với giám sát chất thải: chỉ thực hiện giám sát các loại chất thải hoặc thông số có trong chất thải mà dự án có khả năng phát thải ra môi trường;

- Phải thiết kế vị trí lấy mẫu chất thải theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (nếu có);

- Việc lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường phải được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện;

- Kết quả giám sát các thông số môi trường phải được đối sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành;

Chương 6
THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

Nêu tóm tắt quá trình tổ chức tham vấn ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án và quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án dưới hình thức họp cộng đồng dân cư như sau:

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Mô tả rõ quá trình tổ chức tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và nêu rõ số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản do chủ dự án gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án; số, ký hiệu, thời gian ban hành của văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án.

Trường hợp không nhận được ý kiến trả lời bằng văn bản của một số Ủy ban cấp xã, tổ chức chịu tác động, phải chứng minh việc đã gửi văn bản đến các cơ quan này nhưng không nhận được ý kiến phản hồi.

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ việc phối hợp của chủ dự án với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án trong việc đồng chủ trì họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án, trong đó làm rõ thông tin về các thành phần tham gia cuộc họp.

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu rõ các ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chịu tác động trực tiếp về các nội dung của báo cáo ĐTM và các kiến nghị kèm theo (nếu có).

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

Nêu tóm tắt các ý kiến góp ý với trình bày của chủ dự án về nội dung báo cáo ĐTM của dự án tại cuộc họp tham vấn cộng đồng dân cư; kiến nghị của cộng đồng dân cư.

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Nêu rõ những ý kiến tiếp thu và giải trình những ý kiến không tiếp thu của chủ dự án đối với các ý kiến góp ý, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn; cam kết của chủ dự án về việc thực hiện những ý kiến tiếp thu.

Lưu ý: Bản sao các văn bản của chủ dự án gửi xin ý kiến tham vấn, văn bản trả lời của các cơ quan, tổ chức được xin ý kiến; bản sao Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án phải được đính kèm tại Phụ lục của báo cáo ĐTM.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Phải có kết luận về các vấn đề, như: đã nhận dạng và đánh giá được hết các tác động chưa, vấn đề gì còn chưa dự báo được; đánh giá tổng quát về mức độ, quy mô của các tác động đã xác định; mức độ khả thi của các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng chống, ứng phó các sự cố, rủi ro môi trường; các tác động tiêu cực nào không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của chủ dự án và nêu rõ lý do.

2. Kiến nghị

Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan giúp giải quyết các vấn đề vượt khả năng giải quyết của dự án.

3. Cam kết

Các cam kết của chủ dự án về việc thực hiện chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Chương 5 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); thực hiện các

cam kết với cộng đồng như đã nêu tại mục 6.2.3 Chương 6 của báo cáo ĐTM; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án gồm:

- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng của dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án;
- Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ được thực hiện trong giai đoạn đóng cửa dự án (nếu có);
- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo (không phải do chủ dự án tự tạo lập) trong quá trình đánh giá tác động môi trường (tác giả, thời gian, tên gọi, nơi phát hành của tài liệu, dữ liệu).

Yêu cầu: Các tài liệu tham khảo phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC

Đính kèm trong Phụ lục của báo cáo ĐTM các loại tài liệu sau đây:

- Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến dự án (không bao gồm các văn bản pháp lý chung của Nhà nước);
- Các sơ đồ (bản vẽ, bản đồ) khác liên quan đến dự án nhưng chưa được thể hiện trong các chương của báo cáo ĐTM;
- Các phiếu kết quả phân tích các thành phần môi trường (không khí, tiếng ồn, nước, đất, trầm tích, tài nguyên sinh vật…) có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của Thủ trưởng cơ quan phân tích và đóng dấu;
- Bản sao các văn bản liên quan đến tham vấn cộng đồng và các phiếu điều tra xã hội học (nếu có);
- Các hình ảnh liên quan đến khu vực dự án (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Yêu cầu: Các tài liệu nêu trong Phụ lục phải liên kết chặt chẽ với phần thuyết minh của báo cáo ĐTM.

PHỤ LỤC SỐ 9B
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: ...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	(Địa danh), ngày… tháng… năm…

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2)

(3)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ (4);

Căn cứ (5) (nếu có);

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường/phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) họp ngày… tháng… năm… tại…;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án (2) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số… ngày… tháng… năm… của (6);

Xét đề nghị của (7),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (2) được lập bởi (6) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. …

1.2. …

…

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. …

2.2. …

…

3. Các điều kiện kèm theo (nếu có):

3.1. …

3.2. …

…

Điều 2. Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án (2) của Chủ dự án với các nội dụng cụ thể sau:

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

b) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là:

- Số lần ký quỹ:…lần

+ Lần 1, số tiền:…;

+ Lần …, số tiền:…;

- Đơn vị nhận ký quỹ:

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm….. *(năm phê duyệt phương án)*

Điều 3. Chủ dự án có các trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường *(chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc cột 4 Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP).*

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của (1).

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Ủy nhiệm (8) thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường/ phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
-
- Lưu …

(3)
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: *(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án; (2) Tên đầy đủ, chính xác của Dự án; (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án; (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1); (5) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ủy quyền cho (1) thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); (6) Chủ dự án; (7) Thủ trưởng cơ quan thường trực thẩm định ĐTM và phương án; (8) Cơ quan được giao trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.*

PHỤ LỤC SỐ 10
MẪU XÁC NHẬN VÀO MẶT SAU PHỤ BÌA CỦA PHƯƠNG ÁN BỔ SUNG ĐÃ PHÊ DUYỆT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

… (1) … xác nhận: phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung "…(2) …" được phê duyệt tại Quyết định số … ngày … tháng … năm … của … (3) …

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng cơ quan phê duyệt
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú: (*1) Cơ quan có thẩm quyền hoặc được ủy quyền xác nhận; (2) Tên đầy đủ của phương án; (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường*

17. Thủ tục	**Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH).**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ:** - Chủ nguồn thải CTNH lập 01 (một) hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH và nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường, nơi có cơ sở phát sinh CTNH. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Bộ phận một cửa kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ đến phòng chức năng tiến hành thẩm địnhtheo quy định. **Bước 3: Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.** a. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho chủ nguồn thải CTNH để hoàn thiện hồ sơ. b.Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (Trình tự, thủ tục đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH được thực hiện như cấp lần đầu Sổ đăng ký chủ nguồn thải). Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH thì thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể như sau: - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH đầy đủ, hợp lệ. Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 (hai) ngày làm việc; - Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cơ sở. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 (B) ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 với 01 (một) mã số quản lý CTNH theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. **Bước 4:Trả kết quả thủ tục hành chính** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định.
- Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện.
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH: - Hồ sơ đăng ký cấp lần đầu Sổ đăng ký chủ nguồn thải: + Đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 (A) ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015;

	+ 01 (một) bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương. - Hồ sơ đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải: + Đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 (A) ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015; + Các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến việc thay đổi, bổ sung so với hồ sơ đăng ký cấp lần đầu. - Hồ sơ, giấy tờ đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH: + Đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 (A) ban hành kèm theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT, ngày 30/6/2015; + Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng; + Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương; + Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM; + Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) đầy đủ, hợp lệ. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH (thời gian cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH được thực hiện như cấp lần đầu Sổ đăng ký chủ nguồn thải). - Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH đầy đủ, hợp lệ trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH thì thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp sổ, Sở TNMT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để chủ nguồn thải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét cấp sổ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- Kết quả của việc	Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

thực hiện TTHC	
- Phí, lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (cấp/cấp lại) theo mẫu quy định tại Phụ lục 6A ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Các đối tượng không phải thực hiện thủ tục lập hồ sơ đăng ký để được cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH mà chỉ phải đăng ký bằng báo cáo quản lý CTNH định kỳ: + Cơ sở phát sinh CTNH có thời gian hoạt động không quá 01 (một) năm; + Cơ sở phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm với tổng số lượng không quá 600 (sáu trăm) kg/năm, trừ trường hợp CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ (POP) theo quy định tại Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ (sau đây gọi tắt là Công ước Stockholm); + Cơ sở dầu khí ngoài biển. - Sổ đăng ký chỉ cấp lại trong trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh chất thải nguy hại; thay đổi, bổ sung phương án tự tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại tại cơ sở.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. - Thông tư hướng dẫn quản lý CTNH số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 6
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

.....(1).....
_____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

....., ngày ... tháng ... năm .....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp/cấp lại)

Kính gửi: .....(2).....

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên:
Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:
Điện thoại: Fax: E-mail:
Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:
Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:
Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):
Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):
1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):
Tên (nếu có):
Địa chỉ:
Loại hình (ngành nghề) hoạt động[#]:
Điện thoại Fax: E-mail:

2. Dữ liệu về sản xuất:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị(dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khối lượng				

4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng /bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

5. Hồ sơ kèm theo Đơn đăng ký

5.1. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương

5.2. Hồ sơ, giấy tờ đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng,sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;
- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;
- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM;
- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03

(ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường.

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Sở cấp (hoặc cấp lại) Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

.....(3).....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;

(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;

(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;

[#] Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thuỷ tinh…); sản xuất vật liệu xây dựng; sây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.

18. Thủ tục	**Cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH).**
- Trình tự thực hiện	**Các bước thực hiện:** **Bước 1: Nộp hồ sơ** Chủ dự án nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận một cửa) của Sở Tài nguyên và Môi trường. **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ. Bộ phận một cửa trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ đến phòng chức năng tiến hành thẩm định. **Bước 3: Cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.** a. Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. b. Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. c. Trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH: - Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH đầy đủ, hợp lệ. Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 (hai) ngày làm việc; - Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Chủ nguồn thải CTNH sửa đổi, bổ sung và nộp lại hồ sơ theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH. **Bước 4:Trả kết quả thủ tục hành chính** Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- Cách thức thực hiện	Nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường số 437 Nguyễn Văn Linh – TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương (Bản sao). - Trường hợp cơ sở đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH phải nộp kèm theo các hồ sơ, giấy tờ sau: + Báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng (Bản sao);

	+ Văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản sao); + Văn bản xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM (trừ trường hợp tích hợp vào thủ tục cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải); + Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03 (ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.
- Thời hạn giải quyết	Không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ: (05) ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH: mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp chủ nguồn thải thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì thời hạn xem xét, cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH: ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cụ thể: + Sở TNMT kiểm tra cơ sở trong 15 ngày làm viêc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Thời gian kiểm tra không quá 02 (hai) ngày làm việc. + Thời hạn xem xét, cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH: mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ thời điểm kết thúc kiểm tra cơ sở. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp sổ, Sở TNMT thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do để chủ nguồn thải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét cấp sổ.
- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức, cá nhân
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Bảo vệ môi trường. d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.
- Phí, lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH (cấp/cấp lại) theo mẫu quy định tại Phụ lục 6A ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Cơ sở có thời gian hoạt động trên 01 (một) năm phát sinh CTNH thường xuyên hay định kỳ hàng năm từ 600 (sáu trăm) kg/năm hoặc CTNH thuộc danh mục các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) theo quy định tại Công ước Stokholm về các chất hứu cơ khó phân hủy.

- Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014. Có hiệu lực từ 01/01/2015. - Thông tư hướng dẫn quản lý CTNH số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015. Có hiệu lực từ tháng 01/9/2015. - Quyết định số 311/QĐ-STNMT ngày 05/11/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 6
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(Kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. Mẫu Đơn đăng ký chủ nguồn thải CTNH

***

.....(1).....
_____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

....., ngày ... tháng ... năm .....

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
(cấp/cấp lại)

Kính gửi: .....(2).....

1. Phần khai chung về chủ nguồn thải CTNH:

1.1. Tên:
Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính:
Điện thoại: Fax: E-mail:
Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp: nơi cấp:
Giấy CMND (nếu là cá nhân) số: ngày cấp: nơi cấp:
Mã số QLCTNH (trường hợp cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH):
Tên người liên hệ (trong quá trình tiến hành thủ tục):
1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày lần lượt từng cơ sở):
Tên (nếu có):
Địa chỉ:
Loại hình (ngành nghề) hoạt động[#]:
Điện thoại Fax: E-mail:

2. Dữ liệu về sản xuất:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

2.1. Danh sách nguyên liệu thô/hoá chất (dự kiến):

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình (kg/năm)

2.2. Danh sách máy móc, thiết bị (dự kiến):

TT	Máy móc, thiết bị	Công suất

2.3. Danh sách sản phẩm (dự kiến):

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng trung bình (kg/năm)

3. Dữ liệu về chất thải:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

3.1. Danh sách CTNH phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
		(rắn/lỏng/bùn)		
	Tổng số lượng			

3.2. Danh sách CTNH tồn lưu (nếu có):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg)	Mã CTNH	Thời điểm bắt đầu tồn lưu
		(rắn/lỏng/bùn)			
	Tổng khốilượng				

4. Danh sách CTNH đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có):

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTNH thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án tự tái sử dụng/sơ chế/tái chế/xử lý/đồng xử lý/thu hồi năng lượng	Mức độ xử lý
		(rắn/lỏng/bùn)				(tương đương tiêu chuẩn, quy chuẩn nào)
	Tổng số lượng					

5. Hồ sơ kèm theo Đơn đăng ký

5.1. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương

5.2. Hồ sơ, giấy tờ đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng,sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Bản sao báo cáo ĐTM, Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương (Bản cam kết bảo vệ môi trường, Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Đề án bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ về môi trường khác) kèm theo quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận tương ứng;

- Bản sao văn bản chấp thuận phương án tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong trường hợp chưa nằm trong báo cáo ĐTM hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc hồ sơ, giấy tờ tương đương;

- Văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở thuộc đối tượng lập báo cáo ĐTM;

- Bản mô tả chi tiết hệ thống, thiết bị hoặc phương án cho việc tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH kèm theo kết quả 03

(ba) lần lấy mẫu, phân tích đạt QCKTMT đối với các hệ thống, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường.

Tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật. Đề nghị quý Sở cấp (hoặc cấp lại) Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.

.....(3).....
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên chủ nguồn thải CTNH;
(2) Sở Tài nguyên và Môi trường nơi đăng ký chủ nguồn thải CTNH;
(3) Người có thẩm quyền ký của chủ nguồn thải CTNH;
[#] Loại hình (ngành nghề) hoạt động được phân loại như sau: Chế biến thực phẩm; cơ khí; dầu khí; dược; điện; điện tử; hoá chất; khoáng sản; luyện kim; nông nghiệp; quản lý, xử lý nước, nước thải, chất thải; sản xuất hàng tiêu dùng; sản xuất vật liệu cơ bản (cao su, nhựa, thuỷ tinh…); sản xuất vật liệu xây dựng; sây dựng (bao gồm cả phá dỡ công trình); y tế và thú y; ngành khác.